

PHỤ LỤC 2: PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP TRƯỜNG LỚP HỌC ĐỐI VỚI GIÁO DỤC MN, PHỔ THÔNG GIAI ĐOẠN 2026-2030
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 8 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	XÃ, PHƯỜNG	Quy mô lớp, học sinh trường trước sắp xếp								Phương án sắp xếp	Tên trường dự kiến sau sáp nhập	Quy mô lớp, học sinh trường sau sáp xếp								Tổng số trường trước sáp nhập					Tổng số trường sau sáp nhập				
		Tổng số		MN		Tiểu học		Trung học cơ sở				Tổng số		MN		Tiểu học		Trung học cơ sở											
		Lớp	Học sinh	Lớp	Học sinh	Lớp	Học sinh	Lớp	Học sinh			Lớp	Học sinh	Lớp	Học sinh	Lớp	Học sinh	Lớp	Học sinh	TS	MN	TH	THCS	TH&THCS	TS	MN	TH	THCS	TH&THCS
	TỔNG CỘNG	-	0	-	-	-	-	-	-	-	392	0	0	-	-	-	-	-	-	832	300	190	151	191	382	132	77	59	114
	KHU VỰC 1										81								-	180	60	51	39	30	83	24	28	23	8
1	PHƯỜNG NGHĨA LỘ																												
1	MN Hoa Hồng	16	414	16	414					Sáp nhập thành 01 trường	MN Hoa Hồng	32	834	32	834					1	1				1	1			
2	MN Hoa Lan	16	420	16	420					Sáp nhập thành 01 trường	TH Hoàng Văn Thộ	52	1.642			52	1.642			1		1			1		1		
3	TH Hoàng Văn Thộ	27	751			27	751												1										
4	TH Nguyễn Quang Bích	25	891			25	891												1		1								
5	THCS Nghĩa Lộ	37	1.342					37	1342	Giữ nguyên	THCS Nghĩa Lộ	37	1.342					37	1.342	1			1		1			1	
2	XÃ LỤC YẾN	-	0									0	0																
1	MN Hồng Ngọc	16	475	16	475					Sáp nhập thành 1 trường	MN Lục Yên	43	1.250	43	1250					1	1				1	1			
2	MN Hoa Phương	9	255	9	255														1	1									
3	MN Hoa Huệ	18	520	18	520														1	1									
4	TH Trần Phú	34	1.346			34	1346			Giữ nguyên	TH Trần Phú	34	1.346			34	1346			1		1		1		1			
5	TH Minh Xuân	20	624			20	624			Sáp nhập thêm cấp TH Liễu Đô	TH Minh Xuân	34	1.020			34	1.020			1		1		1		1			
6	TH&THCS Liễu Đô	22	743			14	396	8	347	Sáp nhập cấp TH vào Trường TH Minh Xuân; cấp THCS vào Trường THCS Lê Hồng Phong									1				1						
7	THCS Lê Hồng Phong	24	1.124					24	1124	Sáp nhập thêm cấp THCS của Trường TH&THCS Liễu Đô	THCS Lê Hồng Phong	32	1.471				32	1.471	1			1		1			1		
8	TH&THCS Yên Thắng	18	572			10	306	8	266	Sáp nhập vào Trường TH&THCS Yên Thắng	TH&THCS Yên Thắng	30	1.145			10	306	20	839	1				1				1	
9	THCS Nguyễn Thái Học	12	573					12	573										1			1							
3	PHƯỜNG NAM CƯỜNG	-	0									0	0																
1	MN Hướng Dương	15	353	15	353					Sáp nhập thành 01 trường	MN Nam Cường	28	683	28	683					1	1				1	1			
2	MN Sơn Ca	13	330	13	330														1	1									
3	TH Nam Cường	10	275			10	275			Sáp nhập thành 1 trường	TH&THCS Nam Cường	28	821			20	552	8	269	1		1			1			1	
4	TH&THCS Tuy Lộc	18	546			10	277	8	269										1				1						
5	TH&THCS Cường Thịnh	17	493			12	317	5	176	Sáp nhập thành 1 trường	TH&THCS Cường Thịnh	30	904			19	529	11	375	1				1			1		
6	TH&THCS Minh Bảo	13	411			7	212	6	199										1				1						
4	PHƯỜNG YÊN BÀI	-	0									0	0																
1	MN Nguyễn Phúc	25	725	25	725					Giữ nguyên	MN Nguyễn Phúc	25	725	25	725					1	1				1	1			
2	MN Bông Sen	12	345	12	345					Sáp nhập thành 01 trường	MN Thực Hành	35	1.000	35	1000					1	1				1	1			
3	MN Yên Ninh	9	255	9	255														1	1									
4	MN Thực Hành	14	400	14	400														1	1									
5	TH Nguyễn Trãi	35	1.416			35	1416			Giữ nguyên	TH Nguyễn Trãi	35	1.416			35	1.416			1		1		1		1			
6	TH Yên Ninh	18	556			18	556			Sáp nhập thành 1 trường	TH Kim Đồng	43	1.448			43	1.448			1		1			1		1		
7	TH Kim Đồng	25	892			25	892												1		1								
8	TH Hồng Thái	19	597			19	597			Sáp nhập thành 1 trường	TH Hồng Thái	34	1.033			34	1.033			1		1			1		1		
9	TH Nguyễn Phúc	15	436			15	436												1		1								
10	TH Nguyễn Thái Học	31	1.200			31	1200			Giữ nguyên	TH Nguyễn Thái Học	31	1.200			31	1.200			1		1		1		1			
11	THCS Quang Trung	34	1.668					34	1668	Giữ nguyên	THCS Quang Trung	34	1.668					34	1668	1			1		1		1		
12	THCS Yên Ninh	23	890					23	890	Giữ nguyên	THCS Yên Ninh	23	890					23	890	1			1		1		1		
13	THCS Nguyễn Du	20	868					20	868	Sáp nhập thành 1 trường	THCS Lê Hồng Phong	51	2.291					51	2291	1			1		1		1		
14	THCS Lê Hồng Phong	31	1.423					31	1423										1			1							
5	XÃ QUY MÔNG	-	0									0	0																
1	MN Y Can	11	270	11	270					Sáp nhập thành 01 trường	MN Quy Mông	31	838	31	838					1	1				1	1			
2	MN Quy Mông	10	282	10	282														1	1									
3	MN Kiên Thành	10	286	10	286														1	1									
4	TH&THCS Y Can	25	754			15	408	10	346	Sáp nhập theo cấp học thành 2 trường độc lập	TH Quy Mông	46	1.355			46	1.355			1			1		1				
5	TH&THCS Kiên Thành	19	718			11	387	8	331										1			1							
6	TH&THCS Quy Mông	32	1.032			20	560	12	472		THCS Quy Mông	30	1.149					30	1.149	1			1		1		1		
6	XÃ XUÂN ÁI	-	0									0	0																
1	MN Yên Hợp	10	280	10	280					Sáp nhập thành 01 trường	MN Xuân Ái	25	667	25	667					1	1				1	1			
2	MN Xuân Ái	15	387	15	387														1	1									
3	MN Yên Phú	19	493			19	493			Sáp nhập thành 01 trường	MN Yên Phú	27	728	27	728					1	1				1	1			
4	MN Viên Sơn	8	235	8	235														1	1									

TT	XÃ, PHƯỜNG	Quy mô lớp, học sinh trường trước sáp xếp								Phương án sáp xếp	Tên trường dự kiến sau sáp nhập	Quy mô lớp, học sinh trường sau sáp xếp								Tổng số trường trước sáp nhập					Tổng số trường sau sáp nhập						
		Tổng số		MN		Tiểu học		Trung học cơ sở				Tổng số		MN		Tiểu học		Trung học cơ sở													
		Lớp	Học sinh	Lớp	Học sinh	Lớp	Học sinh	Lớp	Học sinh			Lớp	Học sinh	Lớp	Học sinh	Lớp	Học sinh	Lớp	Học sinh	TS	MN	TH	THCS	TH&THCS	TS	MN	TH	THCS	TH&THCS		
5	TH Xuân Ái	22	590			22	590			Sáp nhập thêm cấp TH của Trường TH&THCS Yên Hợp	TH Xuân Ái	37	982			37	982			1		1			1		1				
6	THCS Xuân Ái	19	691					19	691	Sáp nhập thêm cấp THCS của Trường TH&THCS Yên Hợp	THCS Xuân Ái	28	1.057				28	1.057	1			1			1			1			
8	TH&THCS Yên Hợp	24	758			15	392	9	366	Tách cấp TH nhập vào trường TH Xuân Ái, THCS vào THCS Xuân Ái									1				1								
7	TH&THCS Viễn Sơn	23	806			14	442	9	364	Tách cấp TH nhập vào trường TH Yên Phú; cấp THCS vào THCS Yên Phú									1				1								
9	TH Yên Phú	26	783			26	783			Sáp nhập thêm cấp TH của Trường TH&THCS Viễn Sơn	TH Yên Phú	40	1.225			40	1.225			1		1			1		1				
10	THCS Yên Phú	12	487					12	487	Sáp nhập thêm cấp THCS của Trường TH&THCS Viễn Sơn	THCS Yên Phú	21	851				21	851	1			1			1			1			
7	XÃ YẾN BÌNH	-	0									0	0																		
1	MN Bình Minh	17	420	17	420					Sáp nhập thành 01 trường	MN Yên Bình	25	639	25	639					1	1					1	1				
2	MN Đại Đồng	14	373	14	373															1	1							1	1		
3	MN Tân Hương	12	310	12	310					Sáp nhập DT Hương Lý 6 lớp_154HS Của Đại Đồng	MN Tân Hương	18	464	18	464					1	1					1	1				
4	TH Kim Đồng	20	604			20	604			Sáp xếp lại thành 1 trường TH và 01 trường THCS	TH Yên Bình	54	1.578			54	1.578			1		1				1		1			
5	TH Nguyễn Viết Xuân	15	487			15	487													1		1						1			
6	TH&THCS Thịnh Hưng	18	527			10	263	8	264		THCS Yên Bình							39	1.504					1		1			1		
7	TH&THCS Đại Đồng	17	461			9	224	8	237												1				1				1		
8	THCS Yên Bình	23	1.003					23	1003										1				1								
9	TH&THCS Tân Hương	31	1.065			19	578	12	487	Giữ nguyên	TH&THCS Tân Hương	31	1.065			19	578	12	487	1				1		1				1	
8	PHƯỜNG ẤU LÂU	-	0									0	0																		
1	MN Ấu Lâu	9	238	9	238					Sáp nhập thành 01 trường	MN Ấu Lâu	37	916	37	916					1	1					1	1				
2	MN Giới Phiên	14	356	14	356															1	1							1	1		
3	MN Minh Quân	14	322	14	322															1	1										
4	TH&THCS Ấu Lâu	25	831			15	448	10	383	Sáp nhập2 trường và điểm giới phiên Trường TH&THCS Giới Phiên thành 1 trường	TH&THCS Ấu Lâu	52	1.716			30	948	22	768	1				1		1			1		
5	TH&THCS Hợp Minh	18	581			10	341	8	240											1				1						1	
6	TH&THCS Giới Phiên	0	0																	1				1							
	+ Điểm Giới phiên	9	304			5	159	4	145																						
	+ Điểm Phúc Lộc	9	266			5	138	4	128	Sáp nhập 2 trường và điểm Phúc Lộc Trường TH&THCS Giới Phiên thành 1 trường	TH&THCS Minh Quân	44	1.960			24	654	20	1.306	1				1		1			1		
7	TH&THCS Bảo Hưng	17	493			9	246	8	247											1				1						1	
8	TH&THCS Minh Quân	18	547			10	270	8	277											1				1							
9	PHƯỜNG TRUNG TÂM	-	0										0																		
1	MN Nghĩa Lộ	9	212	9	212					Sáp nhập thành 1 trường	MN Trung Tâm	46	1.173	46	1.173					1	1					1	1				
2	MN Phú Nham	13	334	13	334															1	1							1	1		
3	MN Hoa Huệ	13	340	13	340															1	1										
4	MN Hoa Sen	11	287	11	287															1	1										
5	TH Kim Đồng	21	729			21	729			Sáp nhập cấp TH của Trường TH&THCS Hoàng Văn Thu với TH Kim Đồng thành 1 trường	TH Kim Đồng	35	1.134			35	1.134			1		1			1		1				
6	TH&THCS Hoàng Văn Thu	22	664			14	405	8	259			0	0							1				1							
7	TH&THCS Nghĩa Lộ	19	644			10	310	9	334	Sáp nhập cấp TH của Trường TH&THCS Nghĩa Lộ với TH Phú Nham thành 1 trường	TH Phú Nham	32	921			32	921			1				1		1					
8	TH Phú Nham	22	611			22	611													1		1									
9	THCS Phú Nham	12	528					12	528	Sáp nhập cấp THCS toàn phường thành 1 trường	THCS Tô Hiệu	41	1.676				41	1.676			1			1		1			1		
10	THCS Tô Hiệu	12	555					12	555											1				1							
10	PHƯỜNG VĂN PHÚ	-	0									0	0																		
1	MN Yên Thịnh	15	380	15	380					Sáp nhập thành 1 trường	MN Văn Phú	35	866	35	866					1	1					1	1				
2	MN Văn Phú	10	243	10	243															1	1							1	1		
3	MN Phú Thịnh	10	243	10	243															1	1										
4	TH Yên Thịnh	23	858			23	858			Sáp nhập thành 1 trường	TH&THCS Yên Thịnh	61	2.124			33	1119	28	1005	1		1				1				1	
8	THCS Yên Thịnh	20	796					20	796											1				1							
5	TH&THCS Tân Thịnh	18	470			10	261	8	209											1				1							
6	TH&THCS Văn Phú																			1				1							

TT	Xã, Phường	Quy mô lớp, học sinh trường trước sáp xếp								Phương án sáp xếp	Tên trường dự kiến sau sáp nhập	Quy mô lớp, học sinh trường sau sáp xếp								Tổng số trường trước sáp nhập					Tổng số trường sau sáp nhập						
		Tổng số		MN		Tiểu học		Trung học cơ sở				Tổng số		MN		Tiểu học		Trung học cơ sở													
		Lớp	Học sinh	Lớp	Học sinh	Lớp	Học sinh	Lớp	Học sinh			Lớp	Học sinh	Lớp	Học sinh	Lớp	Học sinh	Lớp	Học sinh	Lớp	Học sinh	TS	MN	TH	THCS	TH&THCS	TS	MN	TH	THCS	TH&THCS
1	MN Minh An	9	253	9	253					Sáp nhập thành 1 trường	MN Nghĩa Tâm	34	924	34	924										1	1					
2	MN Bình Thuận	11	298	11	298																					1	1				
3	MN Nghĩa Tâm	14	373	14	373																										
4	TH Nghĩa Tâm	23	701			23	701			Sáp nhập thành 1 trường	TH&THCS Minh An	46	1.344			38	1.037	8	307						1					1	
5	TH Minh An	15	336			15	336																			1					
6	THCS Minh An	8	307					8	307																	1					
7	TH Bình Thuận	17	503			17	503			Sáp nhập thành 01 trường	TH&THCS Bình Thuận	27	904			17	503	10	401						1					1	
8	THCS Bình Thuận	10	401					10	401																	1					
18	PHƯỜNG CẦU THIA	-	0											0	0																
1	MN Thanh Lương	12	309	12	309					Sáp nhập thành 1 trường	MN Cầu Thia	45	1.194	45	1.194										1	1					
2	MN Thạch Lương	9	240	9	240																					1	1				
3	MN Phúc Sơn	13	350	13	350																					1	1				
4	MN Hạnh Sơn	11	295	11	295																					1	1				
5	TH Phúc Sơn	20	570			20	570			Sáp nhập thành 1 trường	TH Hạnh Sơn	35	998			35	998								1						
6	TH Hạnh Sơn	15	428			15	428																			1		1			
7	TH&THCS Võ Thị Sáu	18	664			10	348	8	316			Sáp nhập cấp TH thành 1 trường	TH Cầu Thia	35	1.021			35	1021							1					
8	TH&THCS Thanh Lương	17	454			10	252	7	202																1			1			
9	TH&THCS Thạch Lương	24	785			15	421	9	364																1						
10	THCS Phúc Sơn	14	536					14	536	Sáp nhập cấp THCS toàn xã thành 1 trường	THCS Cầu Thia	49	1.871					49	1871						1						
11	THCS Hạnh Sơn	11	453					11	453																	1				1	
19	XÃ VIỆT HỒNG	-	0																												
1	MN Văn Hội	14	376	14	376					Sáp nhập thành 01 trường	MN Việt Hồng	20	533	20	533										1	1					
2	MN Việt Hồng	6	157	6	157																					1	1				
3	TH&THCS Việt Cường	21	678			13	350	8	328			Giữ nguyên	TH&THCS Việt Cường	21	678			13	350	8	328					1					1
4	TH&THCS Văn Hội	15	440			8	222	7	218	Sáp nhập thành 1 trường	TH&THCS Việt Hồng	31	830			18	418	13	412					1					1		
5	TH&THCS Việt Hồng	16	390			10	196	6	194																1						
20	XÃ TÂN LĨNH	-	0									0	0																		
1	MN Hoa Sen	20	525	20	525					Sáp nhập thành 01 trường	MN Tân Lĩnh	34	863	34	863										1	1					
2	MN Tân Lập	14	338	14	338																					1	1				
3	TH Tân Lĩnh	25	674			25	674					Sáp xếp lại theo cấp học thành 2 trường độc lập	TH Tân Lĩnh	40	1.019			40	1.019							1			1		
4	TH&THCS Khai Trung	9	219			5	107	4	112																1						
5	TH&THCS Minh Chuẩn	15	411			10	238	5	173		THCS Tân Lĩnh		24	899					24	899					1						
6	THCS Tân Lĩnh	15	614					15	614																	1				1	
7	TH&THCS Tân Lập	19	617			11	334	8	283	Sáp nhập thành 1 trường	TH&THCS Phan Thanh	31	989			19	534	12	455					1					1		
8	TH&THCS Phan Thanh	12	372			8	200	4	172																1						
21	XÃ KHÁNH HÒA	-	0																												
1	MN Khánh Hòa	18	474	18	474					Sáp nhập thành 01 trường	MN Bình Minh	31	804	31	804										1	1					
2	MN Bình Minh	13	330	13	330																					1	1				
3	TH Đông Quan	25	621			25	621					Sáp nhập thành 1 trường	TH&THCS Đông Quan	38	1.218			25	621	13	597					1					1
4	THCS Đông Quan	13	597					13	597																	1					
5	TH&THCS An Lạc	15	392			10	193	5	199	Sáp nhập thành 1 trường	TH&THCS Khánh Hòa															1					
6	TH&THCS Khánh Hòa	22	653			14	356	8	297																1					1	
7	TH&THCS Tô Mậu	18	537			10	284	8	253																1						
22	XÃ LÂM GIANG	-	0																												
1	MN Lang Thíp	16	404	16	404					Sáp nhập thành 01 trường	MN Lâm Giang	31	825	31	825										1	1					
2	MN Lâm Giang	15	421	15	421																					1	1				
3	TH Lang Thíp	23	636			23	636					Sáp nhập thành 1 trường	TH Lâm Giang	46	1.297			46	1.297							1			1		
4	TH Lâm Giang	23	661			23	661																		1						
5	THCS Lang Thíp	14	584					14	584	Sáp nhập thành 1 trường	THCS Lâm Giang			29	1.192					29	1.192					1					1
6	THCS Lâm Giang	15	608					15	608																1						
23	XÃ MƯỜNG LAI	-	0																												
1	MN An Phú	10	247	10	247					Sáp nhập thành 1 trường	MN Mường Lai	41	1.054	41	1054										1	1					
2	MN Minh Tiến	10	258	10	258																				1	1					
3	MN Vĩnh Lạc	9	229	9	229																				1	1					
4	MN Mường Lai	12	320	12	320																				1	1					

TT	Xã, Phường	Quy mô lớp, học sinh trường trước sáp xếp							Phương án sáp xếp	Tên trường dự kiến sau sáp nhập	Quy mô lớp, học sinh trường sau sáp xếp							Tổng số trường trước sáp nhập					Tổng số trường sau sáp nhập				
		Tổng số		MN		Tiểu học		Trung học cơ sở			Tổng số		MN		Tiểu học		Trung học cơ sở										
		Lớp	Học sinh	Lớp	Học sinh	Lớp	Học sinh	Lớp			Học sinh	Lớp	Học sinh	Lớp	Học sinh	Lớp	Học sinh	Lớp	Học sinh	TS	MN	TH	THCS	TH&THCS	TS	MN	TH
5	TH&THCS Mường Lai	32	1.148			20	592	12	556	Sáp nhập cấp TH của TH&THCS Vĩnh Lạc và cấp TH của TH&THCS Mường Lai	TH số 1 Mường Lai	33	977			33	977					1			1		
6	TH&THCS Vĩnh Lạc (TH)	13	385			13	385															0					
7	TH&THCS Minh Tiến	9	361			5	193	4	168	Sáp nhập cấp TH của 03 trường Minh Tiến, Minh Tiến 1, An Phú	TH số 2 Mường Lai	29	880			29	880					1			1		
8	TH&THCS Minh Tiến số 1	16	550			9	263	7	287	Sáp nhập cấp THCS của Trường TH&THCS Mường Lai, Minh Tiến, Minh Tiến 1, An Phú thành 1 trường	THCS Mường Lai	32	1.441				32	1.441				1				1	
9	TH&THCS An Phú	24	854			15	424	9	430													1					1
	TH&THCS Vĩnh Lạc (THCS)	8	373					8	373	Nâng cấp thành trường THCS&THPT	THCS&THPT Vĩnh Lạc	23	1.035					8	373	1							
24	XÃ HƯNG KHÁNH	-	0									0	0														
1	MN Hưng Khánh	11	239	11	239					Sáp nhập thành 01 trường	MN Hưng Khánh	23	579	23	579							1	1			1	1
2	MN Hồng Ca	12	340	12	340																	1	1				
3	MN Hòa Mĩ (Bộ Công an)	4	65	4	65					Giữ nguyên	MN Hòa Mĩ	4	65	4	65							1	1			1	1
4	TH Hưng Khánh	16	550			16	550			Sáp nhập thành 1 trường	TH&THCS Hưng Khánh	28	1.069			16	550	12	519	1		1				1	
5	THCS Hưng Khánh	12	519					12	519													1					
6	TH&THCS số 1 Hồng Ca	22	745			14	407	8	338	Sáp nhập thành 1 trường	TH&THCS Hồng Ca	36	1.191			24	700	12	491	1				1		1	
7	TH&THCS số 2 Hồng Ca	14	446			10	293	4	153													1					
25	XÃ PHONG DỤ HẠ	-	0									0	0														
1	MN Xuân Tâm	8	176	8	176					Sáp nhập thành 01 trường	MN Phong Dụ Hạ	19	453	19	453							1	1			1	1
2	MN Phong Dụ Hạ	11	277	11	277																	1	1				
3	TH Phong Dụ Hạ (thêm cấp THCS Xuân Tâm)	25	696			25	696			Sáp nhập cấp THCS điểm Xuân Tâm (8 lớp/246 HS)	TH&THCS Xuân Tâm	33	942			25	696	8	246	1		1				1	
4	THCS Phong Dụ Hạ (chỉ lấy C2 của Phong Dụ Hạ)	11	410					11	410	Nâng cấp thành trường THCS&THPT	THCS&THPT Phong Dụ Hạ	23	1.035								1						
26	XÃ PHONG DỤ THƯỢNG	-	0									0	0														
1	MN Phong Dụ Thượng	16	394	16	394					Giữ nguyên	MN Phong Dụ Thượng	16	394	16	394							1	1			1	1
2	TH Phong Dụ Thượng	18	588			18	588			Sáp nhập với TH thành lập trường TH&THCS	TH&THCS Phong Dụ Thượng	31	1.173			18	588	13	585	1		1				1	
3	THCS Phong Dụ Thượng	13	585					13	585													1					
27	XÃ YÊN THÀNH	-	0									0	0														
1	MN Yên Thành	16	425	16	425					Sáp nhập thành 1 trường	MN Yên Thành	29	757	29	757							1	1			1	1
2	MN Mỹ Gia	6	143	6	143																	1	1				
3	MN Xuân Lai	7	189	7	189					Sáp nhập thành 1 trường	TH&THCS Yên Thành	50	1.567			30	820	20	747	1		1				1	
4	TH Yên Thành	20	527			20	527															1					
5	THCS Yên Thành	12	479					12	479												1					1	
6	TH&THCS Phúc An	18	561			10	293	8	268	Sáp nhập thành 1 trường	TH&THCS Mỹ Gia	36	957			20	475	16	482	1				1		1	
7	TH&THCS Xuân Lai	18	546			10	270	8	276													1					
8	TH&THCS Phúc Ninh	9	229			5	115	4	114												1					1	
9	TH&THCS Mỹ Gia	9	182			5	90	4	92												1						
28	XÃ THÁC BÀ	-	0									0	0														
1	MN Hán Đà	14	387	14	387					Sáp nhập thành 1 trường	MN Thác Bà	33	885	33	885							1	1			1	1
2	MN Thác Bà	9	225	9	225																	1	1				
3	MN Vĩnh Kiên	10	273	10	273					Sáp nhập thành 01 trường	MN Bạch Hà	25	641	25	641							1	1			1	1
4	MN Vũ Linh	10	262	10	262																	1	1				
5	MN Bạch Hà	15	379	15	379					Sáp nhập thành 1 trường	TH&THCS Thác Bà	56	1.898			31	986	25	912	1				1		1	
6	TH&THCS Đại Minh	18	509			10	267	8	242													1					
7	TH&THCS Hán Đà	19	683			11	374	8	309												1					1	
8	TH&THCS Thác Bà	19	706			10	345	9	361												1						
9	TH&THCS Bạch Hà 2	18	589			10	313	8	276	Sáp nhập thành 01 trường	TH&THCS Vĩnh Kiên	45	1.513			25	782	20	731	1			1			1	
11	TH&THCS Vĩnh Kiên	27	924			15	469	12	455													1					
10	TH&THCS Bạch Hà 1	22	749			13	389	9	360	Sáp nhập thành 01 trường	TH&THCS Vũ Linh	48	1.682			27	848	21	834	1			1			1	
12	TH&THCS Vũ Linh	26	933			14	459	12	474													1					
29	XÃ THƯỢNG BẮNG LA	-	0									0	0														
1	MN Trần Phú	14	370	14	370					Sáp nhập thành 01 trường	MN Thượng Bằng La	26	690	26	690							1	1			1	1
2	MN Thượng Bằng La	12	320	12	320																	1	1				
3	TH Trần Phú	20	557			20	557			Sáp xếp lại theo cấp học thành 2	TH Thượng Bằng La	45	1.200			45	1.200					1		1			
4	THCS Trần Phú	8	254					8	254													1					

TT	XÃ, PHƯỜNG	Quy mô lớp, học sinh trường trước sáp xếp						Phương án sáp xếp	Tên trường dự kiến sau sáp nhập	Quy mô lớp, học sinh trường sau sáp xếp						Tổng số trường trước sáp nhập					Tổng số trường sau sáp nhập							
		Tổng số		MN		Tiểu học				Trung học cơ sở		Tổng số		MN												Tiểu học		Trung học cơ sở
		Lớp	Học sinh	Lớp	Học sinh	Lớp	Học sinh			Lớp	Học sinh	Lớp	Học sinh	Lớp	Học sinh	Lớp	Học sinh	Lớp	Học sinh	TS	MN	TH	THCS	TH&THCS	TS	MN	TH	THCS
5	TH&THCS Thương Bồng La	26	874			16	483	10	391	trường độc lập	THCS Thương Bồng La	22	806					22	806	1				1	1			1
6	TH&THCS Văn Tiên	13	321			9	160	4	161												1				1			
30	XÃ BẢO ÁI	-	0									0	0															
1	MN Tân Nguyên	9	254	9	254					Sáp nhập thành 01 trường	MN Bảo Ái	43	1.179	43	1179				1	1				1	1			
2	MN Bảo Ái	15	423	15	423															1	1							
3	MN Cầm Ân	19	502	19	502															1	1							
4	TH Bảo Ái	25	775			25	775			Sáp nhập thêm cấp TH Tân Nguyên	TH Bảo Ái	38	1.197			38	1.197		1		1			1		1		
5	THCS Bảo Ái	16	678					16	678	Sáp nhập thêm cấp THCS Tân Nguyên	THCS Bảo Ái	28	1.115				28	1.115	1				1				1	
6	TH&THCS Tân Nguyên	25	859			13	422	12	437	Tách các cấp học sáp nhập với 2 trường Bảo Ái		0	0					1				1						
7	TH&THCS Cầm Ân	20	670			11	334	9	336	Sáp nhập thành 01 trường	TH&THCS Cầm Ân	46	1.567			26	794	20	773	1				1			1	
8	TH&THCS Móng Sơn	26	897			15	460	11	437											1				1				1
31	XÃ VĂN CHẤN	-	0									0	0															
1	MN Sơn Thịnh	16	500	16	500					Sáp nhập thành 01 trường	MN Sơn Thịnh	27	865	27	865				1	1				1	1			
2	MN Suối Giăng	11	365	11	365															1	1							
3	MN Đồng Khê	10	281	10	281					Sáp nhập thành 01 trường	MN Đồng Khê	19	551	19	551				1	1				1	1			
4	MN Suối Bù	9	270	9	270															1	1							
5	TH Sơn Thịnh	29	839			29	839			Sáp nhập thành 01 trường	TH&THCS Văn Chấn	47	1.600			29	839	18	761	1		1			1		1	
6	THCS Sơn Thịnh	18	761					18	761											1			1					
7	TH Đồng Khê	16	505			16	505			Sáp nhập thành 1 trường	TH&THCS Đồng Khê	48	1.597			30	899	18	698	1		1			1		1	
8	THCS Đồng Khê	12	489					12	489											1			1					
9	TH&THCS Suối Bù	20	603			14	394	6	209											1				1				
10	TH&THCS Suối Giăng	29	938			18	536	11	402			Giữ nguyên	TH&THCS Suối Giăng	29	938			18	536	11	402	1			1	1		
32	XÃ CẨM NHÂN	-	0									0	0															
1	MN Xuân Long	9	233	9	233					Sáp nhập thành 01 trường	MN Cẩm Nhân số 2	27	865	27	865				1	1				1	1			
2	MN Ngọc Chấn	7	170	7	170															1	1							
3	MN Cẩm Nhân	17	436	17	436					Giữ nguyên	MN Cẩm Nhân số 1	17	436	17	436				1	1				1	1			
4	TH&THCS Ngọc Chấn	12	414			8	224	4	190	Sáp nhập thành 1 trường	TH&THCS Cẩm Nhân số 2	30	1.063			18	533	12	530	1				1			1	
5	TH&THCS Xuân Long	18	649			10	309	8	340											1				1				
6	TH&THCS Số 1 Cẩm Nhân	30	1.072			18	576	12	496	Sáp nhập thành 1 trường	TH&THCS Cẩm Nhân số 1	42	1.463			24	765	18	698	1				1			1	
7	TH&THCS Số 2 Cẩm Nhân	12	391			6	189	6	202											1				1				
33	XÃ CHẤN THỊNH	-	0									0	0															
1	MN Hoàng Văn Thọ	16	420	16	420					Sáp nhập thành 1 trường	MN Chấn Thịnh	27	716	27	716				1	1				1	1			
2	MN Chấn Thịnh	11	296	11	296															1	1							
3	TH Chấn Thịnh	20	561			20	561			Sáp xếp lại theo cấp học thành 2 trường độc lập	TH Chấn Thịnh	47	1.257			47	1.257		1		1			1		1		
4	TH&THCS Tân Thịnh	22	660			14	384	8	276											1				1				
5	TH&THCS Hoàng Văn Thọ	21	554			13	312	8	242											1				1				
6	THCS Chấn Thịnh	12	493					12	493					28	1.011				28	1.011	1				1			
34	XÃ CHÂU QUẾ	-	0									0	0															
1	MN Châu Quế Hạ	17	511	17	511					Sáp nhập thành 1 trường	MN Châu Quế	27	767	27	767				1	1				1	1			
2	MN Châu Quế Thượng	10	256	10	256															1	1							
3	TH Châu Quế Hạ	27	670			27	670			Sáp nhập thành 1 trường	TH&THCS Châu Quế Hạ	43	1.344			27	670	16	674	1		1			1		1	
4	THCS Châu Quế Hạ	16	674					16	674											1				1				
5	TH&THCS Châu Quế Thượng	24	791			14	403	10	388	Giữ nguyên	TH&THCS Châu Quế Thượng	24	791			14	403	10	388	1			1	1			1	
35	XÃ ĐỒNG CUÔNG	-	0									0	0															
1	MN Đồng Cuông	21	517	21	517					Sáp nhập thành 1 trường	MN Đồng Cuông	41	1.082	41	1082				1	1				1	1			
2	MN Đồng An	10	295	10	295															1	1							
3	MN An Bình	10	270	10	270															1	1							
4	TH Đồng Cuông	29	818			29	818			Giữ nguyên	TH Đồng Cuông	29	818			29	818		1		1			1		1		
5	TH&THCS An Bình	21	667			13	361	8	306	Sáp nhập cấp TH	TH Đồng An	30	908			30	908		1				1		1			
6	TH&THCS Đồng An	29	1.051			17	547	12	504											1				1				
7	THCS Đồng Cuông	22	809					22	809	Sáp nhập cấp THCS toàn xã thành 1 trường	THCS Đồng Cuông	42	1.619				42	1.619	1				1				1	
36	XÃ GIA HỘI	-	0									0	0															
1	MN Gia Hội	11	313	11	313					Sáp nhập thành 1 trường	MN Gia Hội	31	800	31	800				1	1				1	1			
2	MN Nậm Búng	10	229	10	229															1	1							

TT	Xã, Phường	Quy mô lớp, học sinh trường trước sáp xếp							Phương án sáp xếp	Tên trường dự kiến sau sáp nhập	Quy mô lớp, học sinh trường sau sáp xếp							Tổng số trường trước sáp nhập					Tổng số trường sau sáp nhập				
		Tổng số		MN		Tiểu học		Trung học cơ sở			Tổng số		MN		Tiểu học		Trung học cơ sở										
		Lớp	Học sinh	Lớp	Học sinh	Lớp	Học sinh				Lớp	Học sinh	Lớp	Học sinh	Lớp	Học sinh		Lớp	Học sinh								
3	MN Nậm Lành	10	258	10	258													1	1								
4	TH Gia Hội	15	491			15	491											1		1							
5	PTDTBT TH Nậm Búng	13	380			13	380			43	1.293			43	1.293			1		1			1		1		
6	PTDTBT TH Nậm Lành	15	422			15	422											1		1							
7	THCS Gia Hội	12	460					12	460							20	794	1			1				1		
8	THCS Nậm Lành	8	334					8	334									1			1						
37	XÃ LIÊN SƠN	-	0							0	0																
1	MN Liên Sơn	24	659	24	659				Giữ nguyên	MN Liên Sơn	24	659	24	659				1	1				1	1			
2	TH&THCS Liên Sơn	28	976			15	422	13	554			33	905			33	905	1				1		1			
3	TH&THCS Sơn A	23	761			11	304	12	457									1				1					
4	TH&THCS Trần Phú	11	314			7	179	4	135							29	1.146	1				1			1		
38	XÃ LƯƠNG THỊNH	-	0							0	0																
1	MN Lương Thịnh	13	285	13	285							22	508	22	508				1	1				1	1		
2	MN Hưng Thịnh	9	223	9	223													1	1								
3	TH&THCS Hưng Thịnh	23	670			15	337	8	333			36	936			36	936	1				1		1			
4	TH&THCS số 1 Lương Thịnh	21	723			13	382	8	341									1				1			1		
5	TH&THCS số 2 Lương Thịnh	15	443			8	217	7	226							23	900	1				1			1		
39	XÃ MẬU A	-	0							0	0																
1	MN Mậu A	22	583	22	583							38	1.094	38	1094				1	1				1	1		
2	MN An Thịnh	16	511	16	511													1	1								
3	MN Mậu Đông	11	244	11	244													1	1								
4	MN Ngòi A	10	252	10	252							32	773	32	773				1	1				1	1		
5	MN Yên Thái	11	277	11	277													1	1								
6	TH An Thịnh	30	942			30	942					67	2.196			67	2196	1		1			1		1		
7	TH Mậu A	37	1.254			37	1254											1		1							
	TH&THCS Mậu Đông (TH)	15	351			15	351																				
	TH&THCS Ngòi A (TH)	12	342			12	342					43	1.130			43	1130						1		1		
8	TH Yên Thái	16	437			16	437											1		1							
9	TH&THCS Mậu Đông (THCS)	9	337					9	337									1				1					
10	TH&THCS Ngòi A (THCS)	8	322					8	322			26	1.048					1				1			1		
11	THCS Yên Thái	9	389					9	389									1			1						
12	THCS An Thịnh	18	707					18	707			45	1.943					1			1		1		1		
13	THCS Mậu A	27	1.236					27	1236									1			1						
40	XÃ TÂN HỢP	-	0							0	0																
1	MN Đại Sơn	9	210	9	210							29	720	29	720				1	1				1	1		
2	MN Nà Hấu	8	224	8	224													1	1								
3	MN Tân Hợp	12	286	12	286													1	1								
4	TH&THCS Tân Hợp	29	914			17	508	12	406			41	1.269			41	1.269	1				1		1			
5	TH&THCS Đại Sơn	20	672			12	372	8	300									1				1			1		
6	TH&THCS Nà Hấu	20	668			12	389	8	279			28	985				28	985	1				1			1	
41	XÃ BÀN HỒ	-	0							0	0																
1	MN Bàn Hồ	13	377	13	377							32	728	32	728				1	1				1	1		
2	MN Thanh Kim	8	185	8	185													1	1								
3	MN Bàn Phụng	11	166	11	166													1	1								
4	PTDTBT TH Hoàng Liên	11	304			11	304											1		1							
5	PTDTBT TH Thanh Kim	11	218			11	218					30	710			30	710	1		1			1		1		
6	PTTDTBT TH&THCS Bàn Hồ (TH)	8	188			8	188											0									
8	PTDTBT THCS Thanh Kim	8	215					8	215							12	276	15	409	1			1			1	
7	PTTDTBT TH&THCS Bàn Phụng	19	470			12	276	7	194			27	685			12	276					1				1	
	PTTDTBT TH&THCS Bàn Hồ (THCS)	8	228					8	228			23	868					1				1					
42	XÃ BẢO YẾN	-	0							0	0																
1	MN Lương Sơn	8	149	8	149							46	1.030	46	1030				1	1				1	1		
2	MN Xuân Thượng	13	291	13	291													1	1								
									Sáp nhập thành 01 trường	MN Bảo Yến																	

TT	Xã, Phường	Quy mô lớp, học sinh trường trước sáp xếp								Phương án sáp xếp	Tên trường dự kiến sau sáp nhập	Quy mô lớp, học sinh trường sau sáp xếp								Tổng số trường trước sáp nhập					Tổng số trường sau sáp nhập												
		Tổng số		MN		Tiểu học		Trung học cơ sở				Tổng số		MN		Tiểu học		Trung học cơ sở																			
		Lớp	Học sinh	Lớp	Học sinh	Lớp	Học sinh	Lớp	Học sinh			Lớp	Học sinh	Lớp	Học sinh	Lớp	Học sinh	Lớp	Học sinh	TS	MN	TH	THCS	TH&TH CS	TS	MN	TH	THCS	TH&TH CS								
3	MN Hoa Mai	9	211	9	211					Sáp nhập cấp TH thành 1 trường	TH Bảo Yên	48	1.404			48	1404			1	1				1		1										
4	MN Hoa Hồng	16	379	16	379															1	1																
5	TH số 1 Phố Ràng	20	657			20	657													1		1															
6	TH số 2 Phố Ràng	11	302			11	302													1		1															
7	TH&THCS Yên Sơn (TH)	8	217			8	217																														
8	TH&THCS Lương Sơn (TH)	9	228			9	228			Sáp nhập cấp THCS thành 1 trường	THCS Bảo Yên	38	1.331			38	1331		38	1				1	1			1									
7	TH&THCS Yên Sơn (THCS)	6	168					6	168											1																	
8	TH&THCS Lương Sơn (THCS)	7	209					7	209											1																	
9	THCS số 1 Phố Ràng	17	663					17	663											1			1														
10	THCS số 2 Phố Ràng	8	291					8	291											1			1														
11	PTDTBT TH Xuân Thương	13	324			13	324			Sáp nhập thành 01 trường	PTDTBT TH&THCS Xuân Thương	31	813			20	465	11	348	1		1			1				1								
12	PTTDTBT TH&THCS Xuân Thương	18	489			7	141	11	348											1																	
43	XÃ BẢN LẦU	-	0									0	0																								
1	MN Lũng Vai	18	378	18	378					Sáp nhập thành 01 trường	MN Lũng Vai	30	647	30	647					1	1				1	1											
2	MN Bản Sen	12	269	12	269															1	1																
3	MN Bản Lầu	12	241	12	241					Sáp nhập thành 01 trường	MN Bản Lầu	23	453	23	453					1	1				1	1											
4	MN Na Lốc	11	212	11	212															1	1																
5	TH Bản Sen	17	394			17	394			Tách cấp TH của trường TH&THCS Chợ Chậu sáp nhập với TH Bản Sen thành 1 trường	TH Bản Sen	41	969			41	969			1		1			1		1										
6	TH&THCS Chợ Chậu (TH)	10	219			10	219													1																	
7	TH Lũng Vai	14	356			14	356													1																	
8	TH&THCS Na Lốc (TH)	15	362			15	362			Tách cấp TH của trường TH&THCS Na Lốc sáp nhập với TH Bản Lầu thành 1 trường	TH Bản Lầu	32	832			32	832								1		1										
9	TH Bản Lầu	17	470			17	470													1																	
	TH&THCS Chợ Chậu (THCS)	5	180					5	180																												
10	THCS Lũng Vai	8	311					8	311	Sáp nhập thành 1 trường	THCS Bản Lầu	29	1.102					29	1102		29	1				1	1										
11	THCS Bản Sen	8	309					8	309													1															
	TH&THCS Na Lốc (THCS)	8	302					8	302													1															
12	THCS Bản Lầu	12	406					12	406	Sáp nhập với THPT số 2 Mường Khương	THCS&THPT Bản Lầu	25	1.000							1			1														
44	XÃ BÁT XÁT	-	0									0																									
1	MN Quang Kim	17	382	17	382					Sáp nhập thành 1 trường	MN Quang Kim	30	574	30	574					1	1				1	1											
2	MN Phìn Ngan	13	192	13	192															1	1																
3	MN Bát Xát	17	402	17	402					Sáp nhập thành 1 trường	MN Bát Xát	40	935	40	935					1	1				1	1											
4	MN Bản Qua	12	282	12	282															1	1																
5	MN Bản Vược	11	251	11	251															1	1																
6	TH Bát Xát	29	880			29	880			Sáp nhập thành 1 trường	TH Bát Xát	57	1.560			57	1.560			1		1			1		1										
7	TH Quang Kim	28	680			28	680													1																	
8	TH&THCS Bản Qua	30	664			20	403	10	261	Sáp nhập thành 1 trường	TH&THCS Bản Vược	57	1.432			37	814	20	618	1				1	1				1								
9	TH&THCS Bản Vược	27	768			17	411	10	357											1																	
10	PTTDTBT TH&THCS Phìn Ngan	24	588			16	325	8	263	Giữ nguyên	PTTDTBT TH&THCS Phìn Ngan	24	588			16	325	8	263	1				1	1				1								
11	THCS Quang Kim	13	484					13	484	Sáp nhập thành 1 trường	THCS Bát Xát	33	1.208					33	1208	1			1		1												
12	THCS Bát Xát	20	724					20	724											1																	
45	XÃ GIA PHÚ	-	0									0																									
1	MN Hoa Ban	16	381	16	381					Sáp nhập thành 1 trường	MN Gia Phú	46	1.151	46	1151					1	1				1	1											
2	MN Ban Mai	13	358	13	358															1	1																
3	MN Xuân Giao	17	412	17	412															1	1																
4	TH Thống Nhất	20	572			20	572			Sáp nhập thành 1 trường	TH Gia Phú	56	1.647			56	1647			1		1			1		1										
6	TH Xuân Giao	16	417			16	417													1																	
8	TH số 2 Gia Phú	20	658			20	658													1																	
5	THCS Thống Nhất	12	458					12	458	Sáp nhập thành 1 trường	THCS Gia Phú	40	1.593				40	1593		40	1			1		1											
9	THCS số 1 Gia Phú	14	600					14	600												1																
7	THCS Xuân Giao	14	535					14	535												1																
10	TH số 1 Gia Phú	9	195			9	195			Sáp nhập thành 1 trường	PTDTBT TH&THCS Gia Phú	22	597			14	324	8	273	1		1			1				1								
11	PTDTBT TH Gia Phú	5	129			5	129													1																	
12	PTDTBT THCS Gia Phú	8	273					8	273											1																	
46	XÃ KHÁNH YÊN	-	0									0	0																								

TT	Xã, Phường	Quy mô lớp, học sinh trường trước sắp xếp							Phương án sắp xếp	Tên trường dự kiến sau sắp nhập	Quy mô lớp, học sinh trường sau sắp xếp							Tổng số trường trước sáp nhập					Tổng số trường sau sáp nhập				
		Tổng số		MN		Tiểu học		Trung học cơ sở			Tổng số		MN		Tiểu học		Trung học cơ sở	TS	MN	TH	THCS	TH&THCS	TS	MN	TH	THCS	TH&THCS
		Lớp	Học sinh	Lớp	Học sinh	Lớp	Học sinh				Lớp	Học sinh	Lớp	Học sinh	Lớp	Học sinh											
1	MN số 1 Khánh Yên	14	323	14	323					Sáp nhập thành 01 trường	MN Khánh Yên	31	731	31	731							1	1				
2	MN số 2 Khánh Yên	17	408	17	408														1	1							
4	TH Khánh Yên	31	719			31	719			Giữ nguyên	TH Khánh Yên	31	719			31	719						1		1		
3	TH&THCS Khánh Yên	29	729			18	369	11	360			Sáp nhập với điểm chính trường THCS Khánh Yên	TH&THCS Khánh Yên	37	974			18	369	19	605			1			
5	THCS Khánh Yên																										
	Điểm chính								8	245																	
	Điểm Trường Bò							11	395	Sáp nhập với THPT số 4 Văn Bàn	THCS&THPT Khánh Yên	26	1.055														
47	XÃ BẮC HÀ	-	0									0	0														
1	MN Bắc Hà	19	473	19	473					Sáp nhập thành 01 trường	MN Bắc Hà	31	830	31	830								1	1			
2	MN Na Hối	12	357	12	357														1	1							
3	MN Bản Phố	14	358	14	358					Sáp nhập thành 1 trường	MN Hoàng Thu Phố	57	1.345	57	1345								1	1			
4	MN Hoàng Thu Phố	16	350	16	350														1	1							
5	MN Thái Giang Phố	15	352	15	352														1	1							
6	MN Nậm Mòn	12	285	12	285														1	1							
7	TH Bắc Hà	30	928			30	928			Sáp nhập 02 trường và cấp TH của trường TH&THCS Na Hối	TH Bắc Hà	49	1.445			49	1.445						1		1		
8	TH Na Hối	10	289			10	289												1		1						
9	TH&THCS Na Hối	14	384			9	228	5	156										1			1					
10	THCS Bắc Hà	23	943					23	943	Sáp nhập thêm cấp THCS Trường TH&THCS Na Hối	THCS Bắc Hà	28	1.099				28	1.099	1			1			1		
11	PTDTBT TH Thái Giang Phố	22	453			22	453			Sáp nhập thành 1 trường	PTDTBT TH Thái Giang Phố	39	930			39	930				1		1				
12	PTDTBT TH Nậm Mòn	17	477			17	477												1		1						
13	PTDTBT TH Bản Phố	20	519			20	519			Sáp nhập thành 1 trường	PTDTBT TH Hoàng Thu Phố	40	1.000			40	1.000						1		1		
14	PTDTBT TH Hoàng Thu Phố 1	10	232			10	232												1		1						
15	PTDTBT TH Hoàng Thu Phố 2	10	249			10	249												1		1						
16	PTDTBT THCS Thái Giang Phố	12	396					12	396	Sáp nhập thành 1 trường	PTDTBT THCS Thái Giang Phố	38	1.081				38	1.081	1			1				1	
17	PTDTBT THCS Nậm Mòn	8	311					8	311										1			1					
18	PTDTBT THCS Bản Phố	10	360					10	360										1			1					
19	PTDTBT THCS Hoàng Thu Phố	8	14					8	14										1			1					
48	XÃ BẢO HÀ	-	0									0	0														
1	MN Hoa Sen	13	328	13	328					Sáp nhập thành 1 trường	MN Bảo Hà	69	1.760	69	1760								1	1			
2	MN Hoa Lan	10	233	10	233														1	1							
3	MN Tân An	9	218	9	218														1	1							
4	MN Tân Thương	9	250	9	250														1	1							
5	MN Cam Cọn	12	318	12	318														1	1							
6	MN Kim Sơn	16	413	16	413					Sáp nhập thành 1 trường	TH Bảo Hà	60	1.407			60	1.407	-	-				1		1		
7	TH số 1 Bảo Hà	24	602			24	602												1		1						
8	TH Tân An	19	379			19	379												1		1						
9	TH Tân Thương	17	426			17	426												1		1						
10	THCS Bảo Hà	22	837					22	837	Sáp nhập thành 1 trường	THCS Bảo Hà	38	1.478			-	-	38	1.478				1			1	
11	THCS Tân Thương	8	325					8	325										1			1					
12	PTDTBT THCS Bảo Hà	8	316					8	316	Sáp nhập thành 1 trường	PTDTBT TH Bảo Hà	49	1.045			49	1.045	-	-				1		1		
13	PTDTBT TH Cam Cọn	13	317			13	317												1		1						
14	PTDTBT TH Bảo Hà	19	372			19	372												1		1						
15	PTDTBT TH Kim Sơn	17	356			17	356												1		1						
16	TH&THCS Cam Cọn	22	601			8	154	14	447	Sáp nhập thành 1 trường	TH&THCS Bảo Hà	50	1.446			20	436	30	1.010			1				1	
17	TH&THCS Kim Sơn	20	569			12	282	8	287										1			1					
18	PTDTBT THCS Kim Sơn	8	276					8	276										1			1					
49	XÃ VĂN BẢN	-	0									0	0														
1	MN số 1 Văn Bàn	15	365	15	365					Sáp nhập thành 01 trường	MN Số 1 Văn Bàn	34	807	34	807								1	1			
2	MN số 2 Văn Bàn	19	442	19	442														1	1							
3	MN Sơn Thủy	10	295	10	295					Sáp nhập thành 01 trường	MN Số 2 Văn Bàn	21	555	21	555								1	1			
4	MN Khánh Yên Thương	11	260	11	260														1	1							
5	TH Văn Bàn	41	1.047			41	1047			Sắp xếp lại theo cấp học thành 2 trường độc lập	TH Văn Bàn	68	1.723			68	1.723				1		1				
6	TH&THCS số 1 Văn Bàn	18	477			11	258	7	219										1			1					
7	TH Lăng Giàng	16	418			16	418												1		1						

TT	Xã, Phường	Quy mô lớp, học sinh trường trước sáp xếp						Phương án sáp xếp	Tên trường dự kiến sau sáp nhập	Quy mô lớp, học sinh trường sau sáp xếp						Tổng số trường trước sáp nhập					Tổng số trường sau sáp nhập									
		Tổng số		MN		Tiểu học				Trung học cơ sở	Tổng số		MN		Tiểu học															
		Lớp	Học sinh	Lớp	Học sinh	Lớp	Học sinh				Lớp	Học sinh	Lớp	Học sinh	Lớp	Học sinh	Lớp	Học sinh												
1	MN Hồng Ngọc	9	208	9	208				Giữ nguyên	MN Hồng Ngọc	9	208	9	208					1	1				1	1					
2	PTTDTBT TH&THCS Tà Xi Láng	17	471			10	284	7	187	Giữ nguyên	PTTDTBT TH&THCS Tà Xi Láng	17	471			10	284	7	187	1			1					1		
56	Xã TRẠM TẤU	-	0								0	0																		
1	MN Hoa Phương	9	236	9	236				Sáp nhập thành 01 trường	MN Hoa Phương	19	493	19	493					1	1				1	1					
2	MN Hoa Ban	10	257	10	257														1	1										
3	MN Bông Sen	13	409	13	409				Sáp nhập thành 01 trường	MN Bông Sen	19	577	19	577					1	1				1	1					
4	MN Hoa Đào	6	168	6	168														1	1										
5	PTTDTBT TH&THCS Trạm Tấu	21	600			13	365	8	235	Sáp nhập thành 1 trường	PTTDTBT TH&THCS Trạm Tấu	39	1.126			23	652	16	474	1			1				1			
6	PTTDTBT TH&THCS Pá Hu	18	526			10	287	8	239										1			1								
7	PTTDTBT TH&THCS Túc Đán	32	997			20	588	12	409	Sáp nhập thành 1 trường	PTTDTBT TH&THCS Túc Đán	46	1.401			30	828	16	573	1			1				1			
8	PTTDTBT TH&THCS Pá Lau	14	404			10	240	4	164										1			1								
57	Xã PÚNG LUÔNG	-	0								0	0																		
1	MN Sơn Ca	17	476	17	476				Sáp nhập thành 01 trường	MN Púng Luông	29	788	29	788					1	1				1	1					
2	MN Púng Luông	12	312	12	312														1	1										
3	MN Sao Mai	10	246	10	246				Sáp nhập thành 01 trường	MN Hòa Mí	27	676	27	676					1	1				1	1					
4	MN Hòa Mí	17	430	17	430														1	1										
5	PTDTBT TH Púng Luông	17	528			17	528		Sáp nhập thành 01 trường	PTDTBT TH&THCS Púng Luông	39	1.179			31	908	8	271	1		1						1			
6	PTTDTBT TH&THCS Dế Xu Phinh	22	651			14	380	8		271									1			1								
7	PTTDTBT TH&THCS La Pán Tán	35	1.222			22	695	13	527	Giữ nguyên	PTDTBT TH&THCS La Pán Tán	35	1.222			22	695	13	527	1			1				1			
8	PTDTBT TH Nậm Khắt	25	752			25	752		Sáp nhập thành 1 trường	PTDTBT TH&THCS Nậm Khắt	39	1.311			25	752	14	559	1		1						1			
9	PTDTBT THCS Nậm Khắt	14	559					14		559									1			1								
58	Xã MỎ VÀNG	-	0								0	0																		
1	MN Mỏ Vàng	15	412	15	412				Sáp nhập thành 01 trường	MN Mỏ Vàng	27	772	27	772					1	1				1	1					
2	MN An Lương	12	360	12	360														1	1										
3	PTDTBT TH Mỏ Vàng	19	646			19	646		Sáp nhập thành trường TH&THCS	PTDTBT TH&THCS Mỏ Vàng	30	1.081			19	646	11	435	1		1						1			
4	PTDTBT THCS Mỏ Vàng	11	435					11		435									1			1								
5	PTDTBT TH An Lương	15	511			15	511		Sáp nhập thành trường TH&THCS	PTDTBT TH&THCS An Lương	24	880			15	511	9	369	1		1						1			
6	PTDTBT THCS An Lương	9	369					9		369									1			1								
59	Xã CHẾ TẠO	-	0								0	0																		
1	MN Chế Tạo	7	186	7	186				Giữ nguyên	MN Chế Tạo	7	186	7	186					1	1				1	1					
2	PTTDTBT TH&THCS Chế Tạo	18	534			10	315	8	219	Giữ nguyên	PTDTBT TH&THCS Chế Tạo	18	534			10	315	8	219	1			1				1			
60	Xã NẬM CỎ	-	0								0	0																		
1	MN Hoa Hồng	23	686	23	686				Giữ nguyên	MN Hoa Hồng	23	686	23	686					1	1				1	1					
2	PTDTBT TH Vũ A Đình	26	806			26	806		Sáp nhập thành 01 trường	PTDTBT TH Nậm Cỏ	43	1.293			43	1.293			1		1				1					
3	PTDTBT TH Tà Ghênh	17	487			17	487												1		1									
4	PTDTBT THCS Lý Tự Trọng.	22	967					22	967	Giữ nguyên	PTDTBT THCS Lý Tự Trọng.	22	967					22	967	1			1				1			
61	Xã HẠNH PHÚC	-	0								0	0																		
1	MN Hoa Huệ	7	160	7	160				Sáp nhập thành 01 trường	MN Hoa Huệ	16	397	16	397					1	1				1	1					
2	MN Hoa Lan	9	237	9	237														1	1										
3	MN Sơn Ca	10	289	10	289				Sáp nhập thành 01 trường	MN Hoa Hồng	24	642	24	642					1	1				1	1					
4	MN Hoa Hồng	14	353	14	353														1	1										
5	PTTDTBT TH&THCS Xà Hổ	30	874			20	481	10	393	Giữ nguyên	PTTDTBT TH&THCS Xà Hổ	30	874			20	481	10	393	1			1				1			
6	PTTDTBT TH&THCS Bán Công	21	652			13	369	8	283	Giữ nguyên	PTTDTBT TH&THCS Bán Công	21	652			13	369	8	283	1			1				1			
7	TH&THCS Bán Hát	10	284			6	170	4	114	Sáp nhập thành 1 trường	TH&THCS Hạnh Phúc	36	1.104			22	636	14	468	1			1				1			
8	TH&THCS Bán Lầu	10	317			6	155	4	162													1			1					
9	TH&THCS Trạm Tấu	16	503			10	311	6	192													1			1					
62	Xã TỬ LỆ	-	0								0	0																		
1	MN Tử Lệ	14	381	14	381				Sáp nhập thành 01 trường	MN Tử Lệ	30	844	30	844					1	1				1	1					
2	MN Khau Pha	16	463	16	463														1	1										
3	TH Tử Lệ	22	619			22	619		Sáp nhập thành 1 trường	TH&THCS Tử Lệ	34	1.149			22	619	12	530	1		1						1			
4	THCS Tử Lệ	12	530					12		530									1			1								
5	PTDTBT TH Cao Pha	25	804			25	804		Sáp nhập thành 1 trường	PTDTBT TH&THCS Cao Pha	39	1.419			25	804	14	615	1		1						1			
6	PTDTBT THCS Cao Pha	14	615					14		615									1			1								
63	Xã CÁT THỊNH	-	0								0	0																		
1	MN Ba Khe	19	558	19	558				Giữ nguyên	MN Cát Thịnh	19	558	19	558					1	1				1	1					

TT	Xã, Phường	Quy mô lớp, học sinh trường trước sáp xếp						Phương án sáp xếp	Tên trường dự kiến sau sáp nhập	Quy mô lớp, học sinh trường sau sáp xếp						Tổng số trường trước sáp nhập					Tổng số trường sau sáp nhập								
		Tổng số		MN		Tiểu học				Trung học cơ sở	Tổng số		MN		Tiểu học		Trung học cơ sở	Tổng số trường trước sáp nhập					Tổng số trường sau sáp nhập						
		Lớp	Học sinh	Lớp	Học sinh	Lớp	Học sinh				Lớp	Học sinh	Lớp	Học sinh	Lớp	Học sinh		Lớp	Học sinh	TS	MN	TH	THCS	TH&THCS	TS	MN	TH	THCS	TH&THCS
2	PTDTBT TH Cát Thịnh	21	628			21	628	Giữ nguyên	PTDTBT TH Cát Thịnh	21	628			21	628			1		1			1			1			
3	TH&THCS Ba Khe	21	651			13	394			8	257	Sáp nhập thêm cấp THCS Cát Thịnh thành 1 trường	TH&THCS Cát Thịnh	37	1.339			13	394	24	945	1				1			1
4	THCS Cát Thịnh	16	688							16	688			1								1							
64	XÃ KHẢO MẠNG	-	0							0	0																		
1	MN Hoa Ban	17	465	17	465			Sáp nhập thành 01 trường	MN Hoa Huệ	28	752	28	752					1	1				1	1					
2	MN Hoa Huệ	11	287	11	287					1	1									1	1								
3	PTDTBT TH Khao Mang	23	742			23	742			Giữ nguyên	PTDTBT TH Khao Mang	23	742			23	742			1		1			1		1		
4	PTDTBT TH&THCS Hồ Bốn	21	732			12	372	9	360	Giữ nguyên	PTDTBT TH&THCS Hồ Bốn	21	732			21	732					1	1			1			
5	PTDTBT THCS Khao Mang	16	657					16	657	Tổ chức lại thành trường THCS&THPT	THCS&THPT Khao Mang	31	1.395					1			1								
65	XÃ PHÌNH HỒ	-	0							0	0																		
1	MN Bình Minh	8	208	8	208			Sáp nhập thành 01 trường	MN Bình Minh	15	384	15	384					1	1				1	1					
2	MN Hoa Mai	7	176	7	176					1	1									1	1								
3	MN Hòa Mĩ	21	636	21	636					Giữ nguyên	MN Hòa Mĩ	21	636	21	636					1	1				1	1			
4	PTDTBT TH Bàn Mù	21	644			21	644	Sáp nhập thành 1 trường	PTDTBT TH&THCS Khẩu Ly	48	1.490			30	865	18	625	1		1			1			1			
5	PTTDTBT TH&THCS Khẩu Ly	27	846			9	221			18	625	1								1									
6	PTTDTBT TH&THCS Lăng Nhì	19	542			11	307			8	235	1				22	639	14	445	1				1			1		
7	PTTDTBT TH&THCS Phình Hồ	17	542			11	332	6	210	Sáp nhập thành 1 trường	PTDTBT TH&THCS Phình Hồ	36	1.084					1				1				1			
66	XÃ PHÚC LỢI	-	0							0	0																		
1	MN Phúc Lợi	20	494	20	494			Sáp nhập thành 01 trường	MN Phúc Lợi	30	764	30	764					1	1				1	1					
2	MN Trung Tâm	10	270	10	270					1	1									1	1								
3	TH Phúc Lợi	23	553			23	553			Sáp xếp lại theo cấp học thành 2 trường độc lập	TH Phúc Lợi	48	1.269			48	1.269			1		1			1		1		
4	TH&THCS Trung Tâm	24	795			15	424	9	371			1								1									
5	TH&THCS Trúc Lâu	16	515			10	292	6	223		1								1				1						
6	THCS Phúc Lợi	13	548					13	548		28	1.142					28	1.142	1				1			1			
67	XÃ LÂM THUẬN	-	0							0	0																		
1	MN Sơn Ca	11	296	11	296			Sáp nhập thành 01 trường (Tách DT Bè Chòi MN Sơn Ca (4-107) đưa về MN Hoa Hồng)	MN Khánh Thiện	17	471	17	471					1	1				1	1					
2	MN Khánh Thiện	10	282	10	282					1	1									1	1								
3	MN Hoa Hồng	16	421	16	421			Sáp nhập thêm DT Bè Chòi MN Sơn Ca (4 lớp-107HS)	MN Lâm Thượng	20	528	20	528					1	1				1	1					
4	TH Lâm Thượng	20	574			20	574													1		1							
5	TH&THCS Mai Sơn (TH)	13	372			13	372	Sáp nhập theo cấp học thành 2 trường	TH Lâm Thượng	53	1.575			53	1575			1					1		1				
6	TH&THCS Khánh Thiện	24	849			15	462			9	387	1								1									
7	TH&THCS Tân Phương	9	303			5	167		4	136	26	1.065					26	1.065	1				1			1			
8	THCS Chu Văn An	13	542						13	542	1								1				1						
	TH&THCS Mai Sơn (THCS)	8	320					8	320	Sáp nhập với THPT Mai Sơn	THCS&THPT Mai Sơn	23	983					1				1							
68	XÃ LAO CHẢI	-	0							0	0																		
1	MN Lao Chải	15	409	15	409			Sáp nhập thành 01 trường	MN Lao Chải	27	749	27	749					1	1				1	1					
2	MN Xẻo Dì Hồ	12	340	12	340					1	1									1	1								
3	PTDTBT TH Lao Chải	22	597			22	597			Sáp nhập	PTDTBT TH Lao Chải	39	1.109			39	1.109			1		1			1		1		
4	PTDTBT TH Xẻo Dì Hồ	17	512			17	512	1												1									
5	PTDTBT THCS Lao Chải	21	826					21	826	Giữ nguyên	PTDTBTTHCS Lao Chải	21	826					1				1			1				
69	XÃ BÀN XÈO	-	0							0	0																		
1	MN Bàn Xèo	16	261	16	261			Sáp nhập thành 01 trường	MN Bàn Xèo	32	670	32	670					1	1				1	1					
2	MN Pa Cheo	16	409	16	409					1	1									1	1								
3	PTDTBT TH Pa Cheo	21	441			21	441			Sáp nhập thành trường TH&THCS	PTDTBT TH&THCS Pa Cheo	30	757			21	441	9	316	1		1			1			1	
4	PTDTBT THCS Pa Cheo	9	316					1												1									
5	TH&THCS Bàn Xèo	19	479			11	239	8	240			1								1				1			1		
6	TH&THCS Mường Vi	14	331			10	190	4	141	Sáp nhập thành 1 trường	TH&THCS Bàn Xèo	33	810			21	429	12	381	1			1			1			
70	XÃ DƯƠNG QUỲ	-	0							0	0																		
1	MN Dương Quỳ	14	292	14	292			Sáp nhập thành 01 trường	MN Dương Quỳ	20	411	20	411					1	1				1	1					
2	MN Thẩm Dương	6	119	6	119					1	1									1	1								
3	TH Dương Quỳ	16	438			16	438			Sáp nhập thành 1 trường	TH&THCS Dương Quỳ	34	1.044					26	725	8	319	1		1				1	
4	TH Thẩm Dương	10	287			10	287	1				1																	

TT	Xã, Phường	Quy mô lớp, học sinh trường trước sáp xếp							Phương án sáp xếp	Tên trường dự kiến sau sáp nhập	Quy mô lớp, học sinh trường sau sáp xếp							Tổng số trường trước sáp nhập					Tổng số trường sau sáp nhập							
		Tổng số		MN		Tiểu học		Trung học cơ sở			Tổng số		MN		Tiểu học		Trung học cơ sở													
		Lớp	Học sinh	Lớp	Học sinh	Lớp	Học sinh	Lớp			Học sinh	Lớp	Học sinh	Lớp	Học sinh	Lớp	Học sinh	Lớp	Học sinh	Lớp	Học sinh	TS	MN	TH	THCS	TH&THCS	TS	MN	TH	THCS
5	PTDTBT THCS Thẩm Dương	8	319					8	319									1			1									
6	THCS Dương Quý	12	452					12	452	Sáp nhập với THPT Số 3 Văn Bàn	THCS&THPT Dương Quý	27	1.097					1			1									
71	XÃ MUỖNG HUM	-	0									0	0																	
1	MN Muồng Hum	13	235	13	235					Sáp nhập thành 01 trường	MN Muồng Hum	22	424	22	424			1	1				1	1						
2	MN Trung Lẻng Hồ	9	189	9	189													1	1											
3	PTTDTBT TH&THCS Muồng Hum	24	699			16	438	8	261	Sáp nhập thành 1 trường	PTDTBT TH&THCS Muồng Hum	35	1.037			22	605	13	432	1			1					1		
4	PTTDTBT TH&THCS Nậm Pung	11	338			6	167	5	171												1									
72	XÃ NGŨ CHỈ SƠN	-	0									0	0																	
1	MN Bán Khoang	12	236	12	236					Sáp nhập thành 01 trường	MN Ngũ Chỉ Sơn	29	754	29	754			1	1				1	1						
2	MN Tà Giăng Phìn	17	518	17	518													1	1											
3	PTDTBT TH Bán Khoang	16	335			16	335			Sáp nhập thành 1 trường	PTDTBT TH Ngũ Chỉ Sơn	42	950			42	950	-	-	1		1			1					
4	PTDTBT TH Tà Giăng Phìn	26	615			26	615											1		1										
5	PTDTBT THCS Tà Giăng Phìn	11	412					11	412	Sáp nhập thành 1 trường	PTDTBTTHCS Ngũ Chỉ Sơn	19	652			-	-	19	652	1			1				1			
6	PTDTBT THCS Bán Khoang	8	240					8	240									-	-	19	652	1			1				1	
73	XÃ SÌ MA CAI	-	0									0	0																	
1	MN Cán Cầu	14	306	14	306					Sáp nhập thành 01 trường	MN Cán Cầu	32	691	32	691			1	1				1	1						
2	MN Sán Chải	18	385	18	385													1	1											
3	MN Sỉ Ma Cai	22	521	22	521					Sáp nhập thành 01 trường	MN Sỉ Ma Cai	38	857	38	857			1	1				1	1						
4	MN số 1 Quan Hồ Thẩn	16	336	16	336													1	1											
5	MN Nàn Sán	15	333	15	333					Sáp nhập thành 01 trường	MN Mản Thẩn	26	557	26	557			1	1				1	1						
6	MN số 2 Quan Hồ Thẩn	11	224	11	224													1	1											
7	PTDTBTTH số 1 Sán Chải	12	241			12	241			Sáp nhập thành 1 trường	PTDTBT TH Cán Cầu	36	806			36	806	-	-	1		1			1					
8	PTDTBTTH số 2 Sán Chải	10	197			10	197											1		1					1					
9	TH Cán Cầu	14	368			14	368											1		1					1					
10	TH số 1 Sỉ Ma Cai	18	541			18	541			Sáp nhập thành 1 trường	TH Sỉ Ma Cai	45	1.156			45	1.156			1		1			1					
11	TH số 2 Sỉ Ma Cai	10	211			10	211											1		1					1					
12	PTDTBTTH Nàn Sán	17	404			17	404											1		1					1					
13	PTTDTBT TH&THCS Quan Hồ Thẩn	11	313			7	176	4	137	Sáp nhập thành 1 trường	PTDTBT TH&THCS Sỉ Ma Cai	50	1.174			35	682	15	492	1			1					1		
14	PTTDTBT TH&THCS số 1 Quan Hồ Thẩn	20	435			14	245	6	190									1			1									1
15	PTTDTBT TH&THCS số 2 Quan Hồ Thẩn	19	426			14	261	5	165									1			1									
16	THCS Sỉ Ma Cai	15	554					15	554	Sáp nhập thành 1 trường	THCS Sỉ Ma Cai	39	1.423					39	1.423	1			1				1			
17	THCS Nàn Sán	8	271					8	271									1			1							1		
18	THCS Cán Cầu	8	295					8	295									1			1							1		
19	PTDTBT THCS Sán Chải	8	303					8	303									1			1							1		
74	XÃ SÍN CHÉNG	-	0									0	0																	
1	MN Sín Chéng	20	438	20	438					Sáp nhập thành 01 trường	MN Sín Chéng	33	739	33	739			1	1				1	1						
2	MN Nàn Sín	13	301	13	301													1	1											
3	MN Bàn Mẻ	12	265	12	265					Sáp nhập thành 01 trường	MN Bàn Mẻ	28	604	28	604			1	1				1	1						
4	MN Thảo Chư Phìn	16	339	16	339													1	1											
5	TH số 1 Sín Chéng	15	337			15	337			Sáp nhập thành 1 trường	TH&THCS Sín Chéng	44	1.029			39	859	5	170	1		1						1		
6	TH số 2 Sín Chéng	11	256			11	256											1		1										
7	TH&THCS Bàn Mẻ	18	436			13	266	5	170									1					1							
8	PTTDTBT TH&THCS Nàn Sín	22	591			14	358	8	233	Sáp nhập thành 01 trường	PTDTBTTH&THCS Nàn Sín	42	1.108			28	687	14	421	1			1				1			
9	PTTDTBT TH&THCS Thảo Chư Phìn	20	517			14	329	6	188									1			1									
10	THCS Sín Chéng	11	405					11	405	Sáp nhập với THPT số 2 Sỉ Ma Cai	THCS&THPT Sín Chéng	24	950					1			1									
75	XÃ A MÚ SƯNG	-	0									0	0																	
1	MN A Mú Sưng	10	199	10	199					Sáp nhập thành 01 trường	MN A Mú Sưng	20	412	20	412			1	1				1	1						
2	MN Nậm Chạc	10	213	10	213													1	1											
3	PTNT TH&THCS A Mú Sưng	36	1.167			20	629	16	538	Giữ nguyên	PTNT TH&THCS A Mú Sưng	36	1.167			20	629	16	538	1			1					1		
76	XÃ BÀN LIỀN	-	0									0	0																	
1	MN Bàn Liễn	8	180	8	180					Sáp nhập thành 1 trường	MN Bàn Liễn	13	289	13	289			1	1				1	1						
2	MN Nậm Khánh	5	109	5	109													1	1											
3	PTTDTBT TH&THCS Bàn Liễn	20	493			12	267	8	226	Sáp nhập thành 1 trường TH&THCS	TH&THCS Bàn Liễn	30	760			18	411	12	349	1			1					1		

TT	Xã, Phường	Quy mô lớp, học sinh trường trước sáp xếp								Phương án sáp xếp	Tên trường dự kiến sau sáp nhập	Quy mô lớp, học sinh trường sau sáp xếp								Tổng số trường trước sáp nhập					Tổng số trường sau sáp nhập								
		Tổng số		MN		Tiểu học		Trung học cơ sở				Tổng số		MN		Tiểu học		Trung học cơ sở															
		Lớp	Học sinh	Lớp	Học sinh	Lớp	Học sinh	Lớp	Học sinh			Lớp	Học sinh	Lớp	Học sinh	Lớp	Học sinh	Lớp	Học sinh	TS	MN	TH	THCS	TH&THCS	TS	MN	TH	THCS	TH&THCS				
4	PTDTBT TH&THCS Nậm Khánh	10	267				6	144	4	123	Sáp nhập thành 1 trường TH&THCS	PTDTBT TH&THCS Ban Lữ	20	700									1					1					
77	XÃ CAO SƠN	-	0										0	0																			
1	MN La Pan Tân	29	656	29	656						Sáp nhập MN Tả Thàng + ĐT MN La Pan Tân cũ của MN La Pan Tân (14_315)	MN La Pan Tân	27	608	27	608							1	1				1	1				
2	MN Tả Thàng	13	293	13	293																	1	1										
3	MN Lũng Khấu Nhìn	12	259	12	259						Sáp nhập MN Lũng Khấu Nhìn + ĐT MN Cao Sơn cũ của MN La Pan Tân (15_341)	MN Cao Sơn	27	600	27	600							1	1				1	1				
4	PTDTBT TH Lũng Khấu Nhìn	20	363			20	363					PTDTBT TH&THCS Lũng Khấu Nhìn	28	640			20	363	8	277		1			1			1				1	
5	PTDTBT THCS Lũng Khấu Nhìn	8	277					8	277													1				1							
6	PTDTBT TH La Pan Tân	21	418			21	418				Sáp nhập thành 1 trường	PTDTBT TH&THCS Cao Sơn	51	1.287			40	902	11	385		1			1			1				1	
	PTDTBT TH&THCS Cao sơn	30	869			19	484	11	385													1					1						
8	PTDTBT TH Tả Thàng	23	389			23	389				Sáp nhập thành 1 trường	PTDTBT TH&THCS Tả Thàng	31	681			23	389	8	292		1			1			1				1	
9	PTDTBT THCS Tả Thàng	8	292					8	292													1				1							
10	PTTDTBT THCS La Pan Tân	9	365					9	365		Sáp nhập với THPT số 3 Mường Khương	THCS&THPT Cao sơn	23	905								1				1							
78	XÃ CỐC LẦU	-	0										0	0																			
1	MN Cốc Lầu	11	245	11	245						Sáp nhập thành 01 trường	MN Cốc Lầu	27	614	27	614							1	1				1	1				
2	MN Nậm Lúc	10	236	10	236																	1	1										
3	MN Bàn Cai	6	133	6	133																	1	1										
4	PTDTBT TH Cốc Lầu	15	364			15	364					PTDTBT TH Cốc Lầu	36	906			36	906				1			1			1					
5	PTDTBT THCS Cốc Lầu	8	297					8	297													1				1							
6	PTDTBT TH &THCS Bàn Cai	9	276			5	131	4	145													1				1							
7	PTDTBT TH Nậm Lúc	16	411			16	411					PTDTBT THCS Cốc Lầu	20	727					20	727		1			1			1			1		
8	PTDTBT THCS Nậm Lúc	8	285					8	285													1				1							
79	XÃ CỐC SAN	-	0										0	0																			
1	MN Cốc San	16	396	16	396						Sáp nhập thành 01 trường	MN Cốc San	23	534	23	534							1	1				1	1				
2	MN Tông Sánh	7	138	7	138																	1	1										
3	TH Cốc San (Điểm chính)	13	157			13	157															1			1								
4	THCS Cốc San	11	369					11	369		Sáp nhập thành 01 trường	TH&THCS Cốc San	40	959			22	390	18	569		1				1						1	
5	TH&THCS Đồng Tuyển	16	433			9	233	7	200													1				1							
	TH Cốc San (ĐiểmTông Sánh)	5	128			5	128																										
6	PTTDTBT TH&THCS Tông Sánh	13	340			9	194	4	146								14	322	4	146		1				1						1	
80	XÃ DẸN SÁNG	-	0										0	0																			
1	MN Dền Thàng	17	425	17	425						Giữ nguyên	MN Dền Thàng	17	425	17	425							1	1				1	1				
2	MN Sáng Ma Sáo	15	394	15	394						Sáp nhập thành 01 trường	MN Dền Sáng	26	641	26	641							1	1				1	1				
3	MN Dền Sáng	11	247	11	247																	1	1										
4	PTDTBT TH&THCS Dền Sáng	18	564			10	289	8	275													1					1						
5	PTDTBT TH Sáng Ma Sáo	23	580			23	580				Sáp xếp lại theo cấp học thành 2 trường độc lập	TH Dền Sáng	56	1.425			56	1425				1			1			1					
6	PTDTBT THCS Sáng Ma Sáo	11	401					11	401													1				1							
7	PTDTBT TH Dền Thàng	23	556			23	556															1				1							
8	PTDTBT THCS Dền Thàng	11	378					11	378													1				1							
81	XÃ MUỐNG KHƯƠNG	-	0										0	0																			
1	MN Thanh Bình	13	269	13	269						Sáp nhập thành 1 trường	MN Muống Khương	43	928	43	928							1	1				1	1				
2	MN Nậm Cháy	13	236	13	236																	1	1										
3	MN Muống Khương	17	423	17	423																	1	1										
4	MN Hầm Rông	12	233	12	233																	1	1										
5	MN Tung Chung Phở	10	182	10	182						Sáp nhập thành 1 trường	MN Tung Chung Phở	34	631	34	631							1	1				1	1				
6	MN Nậm Lư	12	216	12	216																	1	1										
7	PTDTBT TH Thanh Bình	17	322			17	322															1			1								
8	PTDTBT THCS Thanh Bình	4	159					4	159													1				1							
9	PTDTBT TH Nậm Cháy	15	304			15	304															1			1								
10	PTDTBT THCS Nậm Cháy	7	216					7	216													1				1							
11	TH Muống Khươn (Điểm chính)	23	697			23	697				Sáp nhập TH Thanh Bình, Nậm Cháy, Muống Khương điểm chính thành 1 trường TH; TH Muống Khương (Hầm Rông), Sả Hồ, Nậm Lư, Tung Chung Phở thành 1 trường, cấp THCS thành 01 trường THCS										1			1									
12	TH Muống Khương (Điểm Hầm Rông)	8	230			8	230																										
13	TH Sả Hồ	6	108			6	108															1			1				1				
14	TH&THCS Tung Chung Phở (TH)	7	200			7	200																										
15	PTTDTBT TH&THCS Nậm Lư (TH)	15	270			15	270																										
16	PTTDTBT TH&THCS Nậm Lư (THCS)	5	175					5	175													1				1							
17	THCS Muống Khương	21	801					21	801								41	1461				1				1				1			
18	TH&THCS Tung Chung Phở (THCS)	4	110					4	110													1				1							

TT	XÃ, PHƯỜNG	Quy mô lớp, học sinh trường trước sáp xếp								Phương án sáp xếp	Tên trường dự kiến sau sáp nhập	Quy mô lớp, học sinh trường sau sáp xếp								Tổng số trường trước sáp nhập					Tổng số trường sau sáp nhập					
		Tổng số		MN		Tiểu học		Trung học cơ sở				Tổng số		MN		Tiểu học		Trung học cơ sở												
		Lớp	Học sinh	Lớp	Học sinh	Lớp	Học sinh	Lớp	Học sinh			Lớp	Học sinh	Lớp	Học sinh	Lớp	Học sinh	Lớp	Học sinh	Lớp	Học sinh	TS	MN	TH	THCS	TH&TH CS	TS	MN	TH	THCS
19	PTNT TH&THCS Mường Khương	28	980			12	420	16	560	Giữ nguyên	PTNT TH&THCS Mường Khương	28	980			12	420	16	560	1				1	1					1
82	XÃ NẠM XẾ	-	0								0	0																		
1	MN Nậm Xế	5	100	5	100					Giữ nguyên	MN Nậm Xế	5	100	5	100					1	1				1	1				
2	PTDTBT TH&THCS Nậm Xế	9	276			5	133	4	143	Giữ nguyên	PTDTBT TH&THCS Nậm Xế	9	276			5	133	4	143	1				1	1					1
83	XÃ NGHĨA ĐỒ	-	0								0	0																		
1	MN Tân Tiến	9	205	9	205					Sáp nhập thành 01 trường	MN Nghĩa Đô	33	776	33	776					1	1				1	1				
2	MN Nghĩa Đô	11	247	11	247												1	1												
3	MN Vĩnh Yên	13	324	13	324												1	1												
4	PTDTBT TH Tân Tiến	15	300			15	300			Sáp nhập thành 01 trường	PTDTBT TH&THCS Tân Tiến	38	973		30	741	8	232		1		1			1					1
5	PTDTBT THCS Tân Tiến	8	232					8	232											1								1		
6	TH Nghĩa Đô	15	441			15	441													1			1							
7	TH&THCS Vĩnh Yên	19	589			7	164	12	425	Sáp nhập thành 01 trường	TH&THCS Vĩnh Yên	36	971		24	546	12	425		1			1		1					1
8	PTDTBT TH Vĩnh Yên	17	382			17	382													1			1							
9	THCS Nghĩa Đô	12	464					12	464	Sáp nhập với THPT số 3 Bảo Yên	THCS&THPT Nghĩa Đô	25	1.014							1			1							
84	XÃ PHONG HẢI	-	0								0	0																		
1	MN Ánh Dương	11	270	11	270					Sáp nhập thành 1 trường	MN Phong Hải	38	982	38	982					1	1				1	1				
2	MN 2 Phong Hải	15	441	15	441												1	1												
3	MN 1 Phong Hải	12	271	12	271												1	1												
4	PTDTBT TH 1 Phong Hải	19	559			19	559			Sáp nhập theo cấp học thành 2 trường	TH Phong Hải	57	1.625		57	1625				1		1			1		1			
5	PTDTBT TH 2 Phong Hải	23	614			23	614													1		1								
6	TH&THCS Bàn Cầm	24	787			15	452	9	335		THCS Phong Hải	33	1.293				33	1293			1			1		1				1
7	THCS Phong Hải	24	958					24	958												1									
85	XÃ PHÚC KHÁNH	-	0																											
1	MN Việt Tiến	12	237	12	237					Sáp nhập thành 01 trường	MN Phúc Khánh	24	460	24	460					1	1				1	1				
2	MN Phúc Khánh	12	223	12	223												1	1												
3	TH&THCS Phúc Khánh	12	309			8	183	4	126	Sáp nhập thành 1 trường	TH&THCS Việt Tiến	27	693		18	397	9	296		1			1		1					1
4	TH&THCS Việt Tiến	15	384			10	214	5	170											1										
5	TH&THCS số 1 Phúc Khánh	13	309			9	182	4	127	Sáp nhập thành 1 trường	TH&THCS Phúc Khánh	24	558		16	328	8	230		1			1		1					1
6	TH&THCS số 2 Phúc Khánh	11	249			7	146	4	103											1										
86	XÃ VÔ LAO	-	0								0	0																		
1	MN số 1 Vô Lao	11	295	11	295					Sáp nhập thành 1 trường	MN Vô Lao	37	938	37	938					1	1				1	1				
2	MN số 3 Vô Lao	7	151	7	151													1	1											
3	MN số 2 Vô Lao	10	281	10	281													1	1											
4	MN số 4 Vô Lao	9	211	9	211													1	1											
5	TH số 2 Vô Lao	19	488			19	488			Sáp nhập thành 1 trường	TH Vô Lao	53	1.251		53	1.251				1		1			1		1			
6	TH số 1 Vô Lao	14	306			14	306														1									
7	TH số 3 Vô Lao	9	200			9	200														1									
8	TH số 4 Vô Lao	11	257			11	257														1									
9	THCS số 1 Vô Lao	22	889					22	889	Sáp nhập thành 1 trường	THCS Vô Lao	30	1.125			30	1.125			1			1		1				1	
10	THCS số 2 Vô Lao	8	236					8	236											1										
11	PTDTBT TH&THCS Nậm Dạng	10	288			6	144	4	144	Sáp nhập thành 1 trường	PTDTBT TH&THCS Vô Lao	20	529		12	288	8	241		1			1		1					1
12	TH&THCS Nậm Má	10	241			6	144	4	97											1										
87	XÃ XUÂN HÒA	-	0								0	0																		
1	MN số 1 Xuân Hòa	12	263	12	263					Sáp nhập thành 1 trường	MN Xuân Hòa	32	741	32	741					1	1				1	1				
2	MN Tân Dương	10	254	10	254													1	1											
3	MN số 2 Xuân Hòa	10	224	10	224													1	1											
4	TH số 1 Xuân Hòa	15	444			15	444			Sáp xếp lại mỗi cấp 1 trường	TH Xuân Hòa	42	1.180		42	1180				1		1			1		1			
5	PTDTBTTHCS Xuân Hòa	9	347					9	347											1										
6	TH Tân Dương	13	367			13	367				THCS Xuân Hòa	25	961			25	961			1		1			1					
7	THCS Tân Dương	8	307					8	307											1										
8	TH&THCS Xuân Hòa	22	676			14	369	8	307											1										
88	XÃ NẬM CHẦY	-	0								0	0																		
1	MN Nậm Cháy	18	476	18	476					Giữ nguyên	MN Nậm Cháy	18	476	18	476					1	1				1	1				
2	PTDTBT TH Nậm Cháy	22	481			22	481													1		1								

TT	Xã, Phường	Quy mô lớp, học sinh trường trước sáp xếp						Phương án sáp xếp	Tên trường dự kiến sau sáp nhập	Quy mô lớp, học sinh trường sau sáp xếp						Tổng số trường trước sáp nhập					Tổng số trường sau sáp nhập								
		Tổng số		MN		Tiểu học				Trung học cơ sở		Tổng số		MN												Tiểu học		Trung học cơ sở	
		Lớp	Học sinh	Lớp	Học sinh	Lớp	Học sinh			Lớp	Học sinh	Lớp	Học sinh	Lớp	Học sinh	Lớp	Học sinh	Lớp	Học sinh	TS	MN	TH	THCS	TH&TH CS	TS	MN	TH	THCS	TH&TH CS
3	PTDTBT THCS Nậm Chầy	13	433					13	433	Sáp nhập thành 1 trường	PTDTBT TH&THCS Nậm Chầy	48	1.200			31	625	17	575	1			1		1				1
4	PTDTBT TH&THCS Dân Thằng	13	286			9	144	4	142		PTDTBT TH&THCS Nậm Chầy	48	1.200			31	625	17	575	1			1		1				1
89	XÃ TRỊNH TƯỜNG	-	0									0	0																
1	MN Trịnh Tường	19	416	19	416					Sáp nhập thành 01 trường	MN Trịnh Tường	36	788	36	788					1	1				1	1			
2	MN Cốc Mỹ	17	372	17	372						MN Trịnh Tường	36	788	36	788					1	1				1	1			
3	PTDTBT TH Trịnh Tường	30	759			30	759			Sáp nhập thành 01 trường	PTDTBT TH&THCS Trịnh Tường	46	1.361			30	759	16	602	1		1			1			1	
4	PTDTBT THCS Trịnh Tường	16	602					16	602		PTDTBT TH&THCS Trịnh Tường	46	1.361			30	759	16	602	1		1			1				1
5	PTTDTBT TH&THCS Cốc Mỹ	34	954			23	561	11	393	Giữ nguyên	PTDTBT TH&THCS Cốc Mỹ	34	954			23	561	11	393	1			1		1			1	
90	XÃ TÀ PHÌN	-	0									0	0																
1	MN Tà Phìn	13	308	13	308					Sáp nhập thành 01 trường	MN Tà Phìn	32	753	32	753					1	1				1	1			
2	MN Trung Chải	19	445	19	445						MN Tà Phìn	32	753	32	753					1	1				1	1			
3	TH Tà Phìn	19	447			19	447			Giữ nguyên	TH Tà Phìn	19	447			19	447			1		1			1		1		
4	PTDTBT TH Trung Chải	31	740			31	740			Sáp nhập thành 1 trường	PTDTBT TH&THCS Trung Chải	47	1.315			31	740	16	575	1		1			1			1	
5	PTDTBT THCS Trung Chải	16	575					16	575		PTDTBT TH&THCS Trung Chải	47	1.315			31	740	16	575	1		1			1				1
6	THCS Tà Phìn	9	352					9	352	Sáp nhập THPT Hoàng Liên	THCS&THPT Hoàng Liên	25	997							1			1						
91	XÃ CHIỀNG KEN	-	0									0	0																
1	MN Chiềng Ken	13	294	13	294					Sáp nhập thành 01 trường	MN Chiềng Ken	23	540	23	540					1	1				1	1			
2	MN Nậm Tha	10	246	10	246						MN Chiềng Ken	23	540	23	540					1	1				1	1			
3	PTDTBT TH Chiềng Ken	16	404			16	404			Sáp nhập thành 1 trường	PTDTBT TH&THCS Chiềng Ken	27	780			16	404	11	376	1		1			1			1	
4	PTDTBT THCS Chiềng Ken	11	376					11	376		PTDTBT TH&THCS Chiềng Ken	27	780			16	404	11	376	1		1			1				1
5	PTDTBT TH Nậm Tha	17	369			17	369			Sáp nhập thành 1 trường	PTDTBT TH&THCS Nậm Tha	27	711			17	369	10	342	1		1			1			1	
6	PTDTBT THCS Nậm Tha	10	342					10	342		PTDTBT TH&THCS Nậm Tha	27	711			17	369	10	342	1		1			1				1
92	XÃ MINH LƯƠNG	-	0									0	0																
1	MN Năm Xáy	13	321	13	321					Sáp nhập thành 01 trường	MN Minh Lương	25	576	25	576					1	1				1	1			
2	MN Minh Lương	12	255	12	255						MN Minh Lương	25	576	25	576					1	1				1	1			
3	TH Minh Lương	14	421			14	421			Sáp nhập thành 01 trường	TH&THCS Minh Lương	36	1.127			20	573	16	554	1		1			1			1	
4	TH&THCS Năm Xáy	10	274			6	152	4	122		TH&THCS Minh Lương	36	1.127			20	573	16	554	1		1			1				1
5	THCS Minh Lương	12	432					12	432	Sáp nhập thành trường TH&THCS	PTDTBT TH&THCS Năm Xáy	19	477			12	291	7	186	1		1			1			1	
6	PTDTBT TH số 2 Năm Xáy	12	291			12	291				PTDTBT TH&THCS Năm Xáy	19	477			12	291	7	186	1		1			1				1
7	PTDTBT THCS số 2 Năm Xáy	7	186					7	186			0	0							1			1						
93	XÃ TÀ CÙ TỶ	-	0									0	0																
1	MN Lũng Cãi	12	325	12	325					Sáp nhập thành 01 trường	MN Tà Cù Tỷ	22	560	22	560					1	1				1	1			
2	MN Tà Cù Tỷ	10	235	10	235						MN Tà Cù Tỷ	22	560	22	560					1	1				1	1			
3	PTTDTBT TH&THCS Lũng Cãi	23	729			15	406	8	323	Sáp nhập thành 1 trường	PTTDTBT TH&THCS Tà Cù Tỷ	49	1.415			32	790	17	625	1				1				1	
4	PTTDTBT TH&THCS Tà Cù Tỷ 1	14	361			9	196	5	165		PTTDTBT TH&THCS Tà Cù Tỷ	49	1.415			32	790	17	625	1				1					1
5	PTTDTBT TH&THCS Tà Cù Tỷ 2	12	325			8	188	4	137			0	0							1			1						
94	XÃ BẢO NHAI	-	0									0	0																
1	MN Bảo Nhai	19	445	19	445					Sáp nhập thành 1 trường	MN Bảo Nhai	48	1.184	48	1184					1	1				1				
2	MN Nậm Đét	10	242	10	242						MN Bảo Nhai	48	1.184	48	1184					1	1				1				
3	MN Cốc Ly	19	497	19	497					Sáp nhập thành 01 trường	TH&THCS Bảo Nhai	47	1.447			31	817	16	630	1		1			1			1	
4	TH Bảo Nhai A	18	478			18	478				TH&THCS Bảo Nhai	47	1.447			31	817	16	630	1		1			1				1
5	PTDTBT TH Bảo Nhai B	13	339			13	339			Sáp nhập thành 01 trường	PTDTBT TH&THCS Cốc Ly	46	1.359			30	788	16	571	1		1			1			1	
6	THCS Bảo Nhai	16	630					16	630		PTDTBT TH&THCS Cốc Ly	46	1.359			30	788	16	571	1		1			1				1
7	PTDTBT TH Cốc Ly số 1	17	455			17	455			Sáp nhập thành 01 trường	PTDTBT TH&THCS Cốc Ly	46	1.359			30	788	16	571	1		1			1			1	
8	PTDTBT THCS Cốc Ly số 1	8	335					8	335		PTDTBT TH&THCS Cốc Ly	46	1.359			30	788	16	571	1		1			1				1
9	PTTDTBT TH&THCS Cốc Ly	21	569			13	333	8	236	Sáp nhập thành 1 trường	PTDTBT TH&THCS Nậm Đét	21	551			13	288	8	263	1		1			1			1	
10	PTDTBT TH Nậm Đét	13	288			13	288				PTDTBT TH&THCS Nậm Đét	21	551			13	288	8	263	1		1			1				1
11	PTDTBT THCS Nậm Đét	8	263					8	263			0	0							1			1						
95	XÃ TÀ VAN	-	0									0	0																
1	MN Lao Chải	27	770	27	770					Sáp nhập thành 01 trường	MN Tà Van	47	1.383	47	1383					1	1				1	1			
2	MN Tà Van	20	613	20	613						MN Tà Van	47	1.383	47	1383					1	1				1	1			
3	MN Hầu Thào	16	411	16	411					Sáp nhập thành 01 trường	MN Sừ Pán	28	808	28	808					1	1				1	1			
4	MN Sừ Pán	12	397	12	397						MN Sừ Pán	28	808	28	808					1	1				1	1			
5	PTDTBT TH Sừ Pán	14	383			14	383			Sáp nhập thành 1 trường	PTDTBT TH&THCS Tà Van	43	1.321			31	886	12	435	1		1			1			1	
6	PTTDTBT TH&THCS Tà Van	29	938			17	503	12	435		PTDTBT TH&THCS Tà Van	43	1.321			31	886	12	435	1		1			1				1
7	PTDTBT TH Lao Chải	32	807			32	807			Sáp nhập thành 1 trường	PTDTBT TH&THCS Lao Chải	41	1.177			32	807	9	370	1		1			1				

TT	XÃ, PHƯỜNG	Quy mô lớp, học sinh trường trước sáp xếp						Phương án sáp xếp	Tên trường dự kiến sau sáp nhập	Quy mô lớp, học sinh trường sau sáp xếp						Tổng số trường trước sáp nhập					Tổng số trường sau sáp nhập								
		Tổng số		MN		Tiểu học				Trung học cơ sở	Tổng số		MN		Tiểu học											Trung học cơ sở			
		Lớp	Học sinh	Lớp	Học sinh	Lớp	Học sinh			Lớp	Học sinh	Lớp	Học sinh	Lớp	Học sinh	Lớp	Học sinh	TS	MN	TH	THCS	TH&THCS	TS	MN	TH	THCS	TH&THCS		
8	PTDTBT THCS Lao Chải	9	370				9	370	Sáp nhập thành 1 trường	PTDTBT TH&THCS Lao Chải	31	1.177			22	525	21	711	1			1							
9	PTTDTBT TH&THCS Hầu Thào	31	829		18	445	13	384		PTDTBT TH&THCS Hầu Thào	39	1.156			18	445	21	711	1				1						
10	THCS Sừ Pán	8	327					8		327	PTDTBT TH&THCS Hầu Thào	39	1.156			18	445	21	711	1				1					1
96	XÃ Y TÝ	-	0								0	0																	
1	MN A Lù	17	358	17	358				Sáp nhập thành 01 trường	MN Y Tý	34	773	34	773					1	1					1	1			
2	MN Y Tý	17	415	17	415						34	773	34	773					1	1									
3	PTDTBT TH Y Tý	22	525			22	525												1		1								
4	PTTDTBT TH&THCS A Lù	11	324			7	204	4	120	Sáp nhập thành 1 trường TH&THCS	PTDTBT TH&THCS Y Tý	40	1.105			29	729	11	376	1				1			1		
5	PTDTBT THCS Y Tý	7	256					7	256										1					1					
6	PTNT TH&THCS Y Tý	28	980			12	420	16	560		PTNT TH&THCS Y Tý	28	980			12	420	16	560	1				1			1		
97	XÃ PHA LONG	-	0								0	0																	
1	MN Tà Ngải Chồ	12	248	12	248				Sáp nhập thành 01 trường	MN Pha Long	26	581	26	581					1	1					1	1			
2	MN Pha Long	14	333	14	333						26	581	26	581					1	1									
3	MN Dìn Chín	9	202	9	202														1	1									
4	MN Lô Sừ Thàng	6	117	6	117				Sáp nhập thành 01 trường	MN Dìn Chín	25	506	25	506					1	1				1	1				
5	MN Tà Gia Khẩu	10	187	10	187														1	1									
6	TH Pha Long	16	342			16	342												1		1								
7	TH Tà Ngải Chồ	14	315			14	315		Sáp nhập thành 1 trường	PTDTBT TH &THCS Tà Ngải Chồ	46	1.127			30	657	16	470	1			1			1		1		
8	PTDTBT THCS Pha Long	8	233					8		233									1				1						
9	THCS Tà Ngải Chồ	8	237					8		237									1				1						
10	PTTDTBT TH&THCS Dìn Chín	14	239			10	98	4	141	Sáp nhập	PTDTBT TH&THCS Tà Gia Khẩu	37	803			25	445	12	358	1				1			1		
11	PTTDTBT TH&THCS Tà Gia Khẩu	12	277			8	186	4	91										1				1				1		
12	PTTDTBT TH&THCS Lô Sừ Thàng	11	287			7	161	4	126										1				1						
13	PTNT TH&THCS Pha Long	28	980			12	420	16	560	Giữ nguyên	PTNT TH &THCS Pha Long	28	980			12	420	16	560	1				1			1		
98	XÃ THƯỢNG HÀ	-	0								0	0																	
1	MN Điện Quan	11	272	11	272				Sáp nhập thành 1 trường	MN Thượng Hà	37	876	37	876					1	1					1	1			
2	MN số 2 Thượng Hà	8	194			8	194												1	1									
3	MN số 1 Thượng Hà	10	239	10	239														1	1									
4	MN Minh Tân	8	171	8	171				Sáp nhập cấp TH của Trường TH&THCS Minh Tân và các trường độc lập thành 1 trường TH	TH Thượng Hà	57	1.322			57	1.322			1		1				1				
5	PTDTBT TH Thượng Hà	13	317			13	317												1										
6	PTDTBT TH số 1 Thượng Hà	14	319			14	319												1		1								
7	TH số 2 Điện Quan	10	208			10	208		Sáp nhập cấp THCS của Trường TH&THCS Minh Tân và 02 trường độc lập thành 1 trường THCS	THCS Thượng Hà	30	975					30	975	1				1			1			
8	TH số 1 Điện Quan	10	240			10	240												1				1						
	TH&THCS Minh Tân (TH)	10	238			10	238												1				1						
9	TH&THCS Minh Tân (THCS)	6	174					6	174	Sáp nhập cấp THCS của Trường TH&THCS Minh Tân và 02 trường độc lập thành 1 trường THCS	THCS Thượng Hà	30	975					30	975	1				1			1		
10	THCS Điện Quan	8	323					8	323										1				1						
11	THCS Thượng Hà	16	478					16	478										1				1						
99	XÃ LŨNG PHÌNH	-	0								0	0																	
1	MN Lũng Phình	13	345	13	345				Sáp nhập thành 01 trường	MN Lũng Phình	24	629	24	629					1	1					1	1			
2	MN Tà Van Chư	11	284	11	284														1	1									
3	MN số 2 Lũng Thẩn	10	207	10	207														1	1									
4	MN số 1 Lũng Thẩn	16	304	16	304				Sáp nhập thành 01 trường	MN Lũng Thẩn	26	511	26	511					1	1					1	1			
5	PTDTBT TH&THCS Tà Van Chư	22	640			14	380	8		260					29	773	8	260	1				1						
8	PTDTBT TH Lũng Phình	15	393			15	393												1		1						1		
6	PTDTBT TH số 1 Lũng Thẩn	15	338			15	338		Sáp nhập thành 01 trường	PTDTBT TH&THCS Lũng Thẩn	43	1.104					28	631	15	473	1				1		1		
7	PTDTBT THCS số 1 Lũng Thẩn	8	276					8		276									1			1							
9	PTTDTBT TH&THCS Lũng Thẩn	20	490			13	293	7		197									1				1				1		